TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Hoàng Ngọc Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Thảo
Nguyễn Thị Huyền, Tạ Ngọc Hiền Minh, Nguyễn Hà My

GIÁO TRÌNH
PHIÊN DỊCH 1

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Hoàng Ngọc Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Thảo
Nguyễn Thị Huyền, Tạ Ngọc Hiền Minh, Nguyễn Hà My

Giáo trình
PHIÊN DỊCH 1

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

LỜI NÓI ĐẦU

Các em sinh viên thân mến!

Theo Newmark (2003:55), không thể có giao tiếp toàn cầu nếu không có dịch thuật. Điều này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Từ giữa thập niên đầu của thế kỷ XXI cho đến nay, Việt Nam đã có những bước tiến dài trên con đường chính trị và giao thương quốc tế. Nhu cầu dịch thuật văn bản, tài liệu cho các cơ quan, công ty và phiên dịch cho các hội thảo, hội họp, triển lãm, hội thi, lễ ký kết, phiên dịch phục vụ các đoàn công tác, các khóa tập huấn, phiên dịch cho các sự kiện được truyền hình,... ngày càng cao. Có thể nói, biên phiên dịch được coi là một trong những nghề đang nổi lên trong thị trường lao động trong nước kể từ khi Việt Nam chính thức là thành viên của tổ chức WTO vào tháng 1 năm 2007. Đặc biệt nghề này càng được coi trọng hơn sau sự kiện Việt Nam gia nhập TPP (Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương) nay gọi là CPTPP (Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) vào tháng 10/2015. Các biên dịch, phiên dịch viên đã trở thành cầu nối quan trọng và không thể thiếu trong giao tiếp liên quan đến sử dụng ngôn ngữ và văn hóa. Từ đó xu hướng đào tạo chuyên ngành biên phiên dịch có động lực rõ ràng để phát triển mạnh mẽ hơn.

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội luôn chú trọng vào việc đào tạo chuyên ngành Biên phiên dịch cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với mục tiêu đào tạo ra thế hệ sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng mang tính nghiệp vụ để làm việc, ứng xử một cách chuyên nghiệp và có thể phát triển nghề nghiệp bền vững. Vì vậy, việc nâng cao cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, chuẩn hóa giáo trình là yêu cầu cấp thiết.

"*Giáo trình Phiên dịch 1*" được xây dựng với mục tiêu giúp các em thực hành các kỹ thuật phiên dịch thực tế cơ bản như kỹ năng ghi nhớ, ghi chép, nói trước công chúng, phân tích, giải mã thông tin. Đây cũng là cầu nối giữa kiến thức biên phiên dịch mà các em đã được học ở học phần lý thuyết dịch với các kỹ thuật, phương pháp dịch nâng cao ở học phần tiếp theo.

Bố cục của giáo trình này được thiết kế phù hợp với việc giảng dạy và học tập phiên dịch qua hệ thống phần mềm Smartclass với nội dung xoay quanh 7 chủ đề: Văn hóa, du lịch, môi trường, giáo dục, kinh tế, y tế và công nghệ. Mỗi chủ đề là một chương gồm 2 bài giảng với các audio và video được lựa chọn và thiết kế phù hợp. Mỗi bài đều bao gồm phần hiểu biết chung về chủ đề, giải

nghĩa thuật ngữ và các hiện tượng ngữ pháp quan trọng, các bài tập thực hành luyện các kỹ năng cần thiết cho nghề dịch. Trong bài số 1 của mỗi chương, các em sẽ được luyện tập kỹ năng nghe hiểu, ghi nhớ, nói trước công chúng. Kỹ năng nghe hiểu, ghi chép, phân tích, giải mã tổng hợp thông tin sẽ được chú trọng ở bài số 2 của chương. Sau khi kết thúc học phần, các em sẽ được củng cố và nâng cao vốn từ vựng về các chủ đề này, tự tin diễn thuyết trước đám đông và bước đầu phiên dịch được các đoạn tin ngắn có kết cấu logic dễ hiểu.

Các em sinh viên thân mến!

Đối với người làm công tác phiên dịch, điều cần thiết là nắm vững các đặc điểm, hệ thống cấu trúc,... của cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích nhằm hiểu rõ và truyền đạt ý của phát ngôn một cách phù hợp và tự nhiên nhất.

Theo PGS.TS. Lê Văn Thắng, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (2008), phiên dịch là một "thể tổng hợp ngôn ngữ bao gồm tính sáng tạo, tính khoa học và tính nghệ thuật".

Cuối cùng, nhóm biên soạn xin trích dẫn một câu châm ngôn của người Anh để nhắn nhủ "Practices make perfect".

Chúc các em thành công!

Thay mặt nhóm tác giả

Chủ biên

TS. Hoàng Ngọc Tuệ

CONTENTS

LỜI NÓI ĐẦU 3
Chapter 1. CULTURE 13
Unit 1. Festivals around the World 13
1. Get ready 13
1.1. Warm-up 13
1.2. Useful languages 15
2. Helpful skills for an interpreter 18
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 18
2.2. Public speaking skills 19
3. Interpreting practice 19
3.1. Sight interpreting 19
3.2. Unilateral interpreting 20
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 20
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 20
4. Futher practices 21
Unit 2. Cultural Identity 23
1. Get ready 23
1.1. Warm-up 23
1.2. Useful languages 24
2. Helpful skills for an interpreter 26
2.1. Listening comprehension and note-taking skills 26
2.2. Deciphering and analyzing skills 26
3. Interpreting practices 27
3.1. Sight interpreting 27
3.2. Unilateral interpreting 28
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 28
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 29
4. Futher practices 31

Chapter 2. TOURISM 33
Unit 1. Responsible Tourism 33
1. Get ready 33
1.1. Warm-up 33
1.2. Useful languages 34
2. Helpful skills for an interpreter 35
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 35
2.2. Public speaking skills 36
3. Interpreting practices 36
3.1. Sight interpreting 36
3.2. Unilateral interpreting 37
3.2.1. Vietnamese-English interpreting 37
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 38
4. Futher practices 38
Unit 2. Importance of Tourism 40
1. Get ready 40
1.1. Warm-up 40
1.2. Useful languages 41
2. Helpful skills for an interpreter 43
2.1. Listening comprehension and note taking skills 43
2.2. Deciphering and analyzing skills 43
3. Interpreting practices 44
3.1. Sight interpreting 44
3.2. Unilateral interpreting 45
3.2.1. Vietnamese - Englishinterpreting 45
4. Futher practices 47
Chapter 3. ENVIRONMENT 49
Unit 1. Climate Change across the Globe 49
1. Get ready 49
1.1. Warm-up 49

1.2. Useful languages 50
2. Helpful skills for an interpreter 53
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 53
2.2. Public speaking skills 53
3. Interpreting practices 53
3.1. Sight interpreting 53
3.2. Unilateral interpreting 55
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 55
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 56
4. Futher practices 56
Unit 2. Environment Pollution 58
1. Get ready 58
1.1. Warm-up 58
1.2. Useful languages 59
2. Helpful skills for an interpreter 60
2.1. Listening comprehension and note taking skills 60
2.2. Deciphering and analyzing skills 61
3. Interpreting practices 62
3.1. Sight interpreting 62
3.2. Unilateral interpreting 63
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 63
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 64
4. Futher practices 65
Chapter 4. ECONOMY 67
Unit 1. The Global Economic Trend 67
1. Get ready 67
1.1. Warm-up 67
1.2. Useful languages 69
2. Helpful skills for an interpreter 71
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 71

2.2. Public speaking skills 72
3. Interpreting practices 72
3.1. Sight interpreting 72
3.2. Unilateral interpreting 73
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 73
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 75
4. Futher practices 75
Unit 2. Money and its Strength 77
1. Get ready 77
1.1. Warm-up 77
1.2. Useful languages 80
2. Helpful skills for an interpreter 82
2.1. Listening comprehension and note taking skills 82
2.2. Deciphering and analyzing skills 82
3. Interpreting Practices 83
3.1. Sight interpreting 83
3.2. Unilateral interpreting 84
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 84
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 84
4. Futher practices 86
Chapter 5. EDUCATION 89
Unit 1. Studying Abroad 89
1. Get ready 89
1.1. Warm-up 89
1.2. Useful languages 90
2. Helpful skills for an interpreter 92
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 92
2.2. Public speaking skills 93
3. Interpreting practices 93
3.1. Sight interpreting 93

3.2. Unilateral interpreting 94
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 94
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 96
4. Futher practices 96
Unit 2. Blended Learning 98
1. Get ready 98
1.1. Warm-up 98
1.2. Useful languages 99
2. Helpful skills for an interpreter 101
2.1. Listening comprehension and note taking skills 101
2.2. Deciphering and analyzing skills 101
3. Interpreting practices 102
3.1. Sight interpreting 102
3.2. Unilateral interpreting 103
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 103
3.2.2. English -Vietnamese interpreting 104
4. Futher practices 104
Chapter 6. HEALTH 107
Unit 1. Human Habits and Health Problems 107
1. Get ready 107
1.1. Warm-up 107
1.2. Useful languages 108
2. Helpful skills for an interpreter 110
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 110
2.2. Public speaking skills 110
3. Interpreting practices 110
3.1. Sight interpreting 110
3.2. Unilateral interpreting 111
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 111
3.2.2. English -Vietnamese interpreting 112

4. Futher practices 113
Unit 2. Keeping Healthy - Dos and Don'ts 115
1. Get ready 115
1.1. Warm-up 115
1.2. Useful languages 116
2. Helpful skills for an interpreter 118
2.1. Listening comprehension and note taking skills 118
2.2. Deciphering and analyzing skills 119
3. Interpreting practices 120
3.1. Sight interpreting 120
3.2. Unilateral interpreting 121
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 121
3.2.2. English - Vietnamese interpreting 123
4. Futher practices 123
Chapter 7. TECHNOLOGY 125
Unit 1. Artificial Intelligence 125
1. Get ready 125
1.1. Warm-up 125
1.2. Useful languages 127
2. Helpful skills for an interpreter 129
2.1. Listening comprehension and memorizing skills 129
2.2. Public speaking skills 130
3. Interpreting practices 130
3.1. Sight interpreting 130
3.2. Unilateral interpreting 131
3.2.1 Vietnamese - English interpreting 131
3.2.2 English - Vietnamese interpreting 131
4. Futher practices 132
Unit 2. Internet and Smart Devices 134
1. Get ready 134

1.1. Warm-up 134
1.2. Useful languages 135
2. Helpful skills for an interpreter 136
2.1. Listening comprehension and note taking skills 136
2.2. Deciphering and analyzing skills 136
3. Interpreting practices 137
3.1. Sight interpreting 137
3.2. Unilateral interpreting 138
3.2.1. Vietnamese - English interpreting 138
3.2.2. English - Vietnamese intepreting 139
4. Futher practices 140
REFERENCES 141

Chapter 1
CULTURE

Unit 1. Festivals around the World

Aims:

- Language related to festivals, wedding traditions, and Tet holiday.
- Interpretation of the passive voice.
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 40-55 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 40-55 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

British wedding traditions

Before the wedding

Marriage is usually initiated by a proposal of marriage, simply called "a proposal". The man traditionally proposes to the woman and the actual proposal often has a ritual quality, involving the presentation of a ring (an engagement ring) and the formalized asking of a question such as "Will you marry me?" The man may even go down on one knee before proposing. If the proposal is accepted, the couple becomes engaged.

In the United Kingdom, the engagement ring is worn, by the woman, on the third finger of the left hand (the ring finger).

In the UK the 29th of February (in a leap year) is said to be the one day (coming round only once every four years) when a woman can propose to her partner.

The wedding ceremony

Traditions include:

The happy couple toasts each other.

The newlyweds have the first dance.

The couple cut the cake together, this symbolizes their first meal as husband and wife.

The bride may throw her bouquet to the assembled group of all unmarried women in attendance, with folklore suggesting the person who catches it will be the next to wed.
(A fairly recent equivalent has the groom throwing the bride's garter to the assembled unmarried men; the man who catches it is supposedly the next to wed).

It is usual for the couple to go away on holiday together. This is called the honeymoon.

On arriving back home, it is traditional for the husband to carry his wife into their new home. This is called *carrying the bride over the threshold.*

Lễ cưới truyền thống Việt Nam

Chạm ngõ

Là nghi thức gặp gỡ hai bên gia đình, dụng ý lần đầu tiên được biết nhau một cách công khai, chính thức. Từ đó thỏa thuận, tiến tới tác thành, xây dựng cho hai con. Đồ lễ mang sang nhà gái thường là trầu, cau, rượu, chè.

Lễ ăn hỏi

Nhà trai mang lễ vật sang nhà gái hỏi vợ. Lễ vật đựng trong các tráp phủ vải điều màu đỏ, thường có trầu, cau, rượu, chè, bánh cốm, bánh xu xê, mứt sen, xôi, thủ lợn, lợn sữa quay.

Lễ đính hôn

Về mặt ngữ nghĩa lễ đính hôn, hay lễ cầu hôn tương đương lễ ăn hỏi (hỏi vợ) của người Việt, tuy phương Tây thường thịnh hành phong tục trao nhẫn đính hôn đính kim cương hoặc đá quý cùng lời cầu hôn.

Lễ vấn danh

Nhằm hỏi tên tuổi (vấn danh), so đôi lứa để xem xét xung, hợp của đôi trai gái đồng thời nhằm có dữ kiện để chọn ngày giờ tốt cho các nghi thức, thủ tục cưới hỏi. Lễ vấn danh cũng bao gồm những lễ vật tương tự lễ ăn hỏi tuy có thể ít hơn và giản dị hơn. Cô gái nhà nào đã nhận lễ vấn danh coi như đã có chồng (dù chưa cưới).

Lễ xin dâu

Trước giờ đón dâu, mẹ chú rể hoặc một hai bà cô, bà dì, họ hàng thân thích (nữ) sang nhà gái để xin được đón dâu. Lễ vật trong lễ cưới người Việt thường là tráp đựng trầu têm cánh phượng.

Lễ thành hôn

Hay còn gọi là lễ cưới nói chung, tuy vẫn thiên về chỉ lễ cưới chính thức tại nhà trai.

Lễ lại mặt

Đây là lễ do chú rể mang về nhà gái sau ngày cưới từ 2 đến 4 hôm như một lời cảm ơn bên thông gia.

Source: https://www.learnenglish.de/; https://vietbao.vn/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Proposal: lời cầu hôn.
- Leap year: năm nhuận.
- Newlyweds: vợ chồng mới cưới.
- Bouquet: bó hoa đám cưới (hoa của cô dâu).
- Carrying the bride over the threshold: bế cô dâu vào nhà.
- Lễ vật: offerings.
- Tiệc mặn: banquet.
- Tiệc ngọt: tea break.
- Bữa cơm thân mật: a cozy party/meal.

Grammatical features

- **Voice**

Passive voice is used more frequently in English than in Vietnamese, so when interpreting from English into Vietnamse, student interpreters should use active voice, instead of passive voice.

E.g. 1: "Marriage is usually initiated by a proposal of marriage, simply called "a proposal".

→ "Cầu hôn thường là bước đầu tiên trước khi tiến đến hôn nhân của các cặp đôi ở Anh".

→.....

E.g. 2: "In the United Kingdom, the engagement ring is worn, by the woman, on the third finger of the left hand".

→.....

E.g. 3: "In the UK the 29th of February (in a leap year) is said to be the one day (coming round only once every four years) when a woman can propose to her partner".

→.....

More practices of passive voice:

E.g. 4: After the vows have been spoken by the Bride and the Groom, the couple exchange rings.

→.....

E.g. 5: The wedding ring is placed on the third finger of the left hand, also called the "ring" finger.

→.....

E.g. 6: Any dancing is commonly started by the bride and groom-often the couple chooses their favourite piece of music or a song.

→.....

- **Importance of culture in interpreting**

Cultural knowledge consists of three aspects: behaviors (gestures), traditions/ customs and cultural elements hidden in language.

- **Physical gestures** often mean different things in different cultures. For example, "I'm keeping my fingers crossed" in British culture means I'm hoping for good luck, but unfortunately in Vietnamese culture, it means something entirely different. Therefore, interpreters need to know more than just two languages; they need to understand the cultures as well.

- **Traditions/customs:**

Vietnamese wedding tradition	British wedding tradition
- "dạm ngõ" - marriage proposing meeting - "ăn hỏi" - betrothal/engagement celebration/ceremony - "xin dâu" - bride picking - "đám cưới" - wedding ceremony - "lại mặt" - the wedding day's tomorrow.	- engagement celebration/ceremony: lễ đính hôn - wedding ceremony: lễ cưới.

- **Cultural elements hidden in language:**

In Vietnamese culture, people often say "Anh/Ông/Chị sinh năm tý, tuổi con chuột". In European culture, the zodiac signs say that you can be born in the month of Gemini or Scorpio but there is no year of the pig or year of the rat.

Therefore, interpreters should convey the meaning of the speaker rather than interpreting the exact words.

For example: "Anh/Ông/Chị sinh năm tý, tuổi con chuột?"

You shouldn't say: He/She is a rat, isn't he/she?

Or He/She was born in the year of the rat, wasn't he/she?

Or You are a rat?

The listener feels insulted when he/she is called a rat while the speaker has no wish to insult the listener. Therefore, the interpreter should say "You were born in the year of the rat, weren't you" in this case.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Nét đặc sắc về ẩm thực đường phố tại Singapore"* in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Món ăn đường phố: street food.
- Văn hóa đa dạng và đầy màu sắc: diversified and colorful culture.
- Quốc đảo: island country.
- Khu ẩm thực: culinary area/center.
- Tên riêng: Madagascar.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Tourism in Singagpore"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Major industry: ngành (kinh tế) mũi nhọn.
- To be thrice over: gấp ba lần so với...
- Environmental friendly: thân thiện với môi trường.
- Conservation program: chương trình bảo tồn.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: Take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting practice

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Lễ hội đèn lồng rất nổi tiếng ở Đài Loan, đây là lễ hội lớn nhất được tổ chức vào dịp rằm tháng Giêng hàng năm. Theo truyền thống, người dân sẽ trang trí nhà cửa với những chiếc lồng đèn và trẻ con sẽ cầm lồng đèn đi dạo chơi trên phố vào buổi tối.

(2) Tây Ban Nha được coi là "cái nôi" sản sinh ra văn hóa ngủ trưa trên thế giới. Ở quốc gia này người dân có thể nghỉ trưa vài tiếng đồng hồ, có khi đến hết buổi chiều. Không chỉ Tây Ban Nha mà hầu như các nước Nam Âu láng giềng khác như Bồ Đào Nha, Ý, Hy Lạp cũng có văn hóa ngủ trưa khá đậm nét.

(3) The biggest holiday in Laos is Lao New Year, or Pi Mai Lao. Celebrations last for three days in the middle of April every year. Pi Mai is traditionally centred around cleansing and blessing ceremonies, pouring water and flowers onto the Buddhas in temples, as well as friends and relatives, to bring good luck in the coming year.

(4) The monkey buffet festival is a celebration that takes place in Thailand every November 25th. The local peoples believe that monkeys bring good fortune to the visitors and to boost the tourism in the Lopburi province. Four thousand kilograms of fruits, vegetables, cakes, candies is set down in front of temples on tables, in pyramid or just on a simple mat for the delight of the 3,000 monkeys living in the area.

Words and expressions:

- Lễ hội đèn lồng: lantern festival.
- Ngủ trưa: Siesta.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Văn hóa cưới hỏi"* into English.

Words and expressions:

- Điệu múa quạt truyền thống của Hàn Quốc: Buchaechum - A traditional form of Korean dance also called a fan dance.
- Thời Pagan: Pagan Era.
- Ngày linh thiêng: A Good Day (for Pagans).
- Frigga (Nữ thần của hôn nhân): goddess of marriage.
- Lễ chạm ngõ: marriage proposing meeting.
- Lễ ăn hỏi: engagement ceremony.
- Lễ xin dâu: bride picking.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Task 1: Read the short passage on "Tết Nguyên Đán của người Trung Quốc".

Tết Nguyên Đán của người Trung Quốc

Tết Nguyên Đán của Trung Quốc hay còn gọi Xuân Tiết, là một lễ hội quan trọng nhất của Trung Quốc. Tết Nguyên Đán thường kéo dài trong 15 ngày kể từ ngày đầu tiên của tháng Giêng âm lịch. Trong dịp Tết Nguyên Đán, người Trung Quốc thường sẽ trang trí nhà cửa, diễu binh, ca hát truyền thống dân gian và tổ chức yến tiệc.

Truyền thống lau dọn nhà cửa được thực hiện với niềm tin rằng việc dọn dẹp nhà tại thời điểm này của năm sẽ "quét sạch những điềm xấu, không may" và sẵn sàng đón những điềm may mắn trong năm mới.

Màu đỏ được xem là màu hoặc biểu tượng của sự may mắn và thường được sử dụng để trang trí cho năm mới. Số "8" cũng được xem là biểu tượng cho sự may mắn và giàu có.

Người Trung Quốc thường tự viết câu đối về chủ đề mùa xuân hoặc mua một bức thư pháp tiếng Trung in trên giấy màu đỏ hoặc treo đèn lồng giấy dán giấy đỏ vào năm mới.

Pháo hoa thường được đốt vào lúc nửa đêm giao thừa. Pháo được sử dụng ở Trung Quốc và Hồng Kông thường có tiếng nổ rất lớn nhằm dọa các linh hồn xấu, ngăn cản chúng mang lại những điều không may mắn. Bên cạnh pháo nổ, món ăn đặc trưng, các hoạt động và âm nhạc, diễu hành năm mới còn là cơ hội để xem của các vũ công mặc trang phục rồng và sư tử biểu diễn.

Source: http://giaoducthoidai.vn/.

Follow-up questions:

- ✓ What do people prepare for Chinese New Year Festival?
- ✓ What are the main activities during this Festival?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Chinese New Year Festival"* into Vietnamese.

Words and expressions:

- Parade: diễu hành,
- Dragon dance: múa rồng,
- Course(s): món ăn,
- To be filled with people: (đường phố) đông đúc,
- Firework display: màn biểu diễn pháo hoa.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Etiquette is very important in Japan, from avoiding blowing your nose in public to how you greet people. The correct use of chopsticks is something many Japanese people find essential to eating out, so it's impolite to get it wrong. To avoid any strange glares while enjoying a mountain of delicious sashimi, make sure that you don't point them, play with them or stab them into your sushi.

(2) Blended families have been described as representing the wave of the future, especially if the high divorce rate continues. Such families have their own sets of problems. Relationships are multiplied under the circumstances of several remarriages, one has several sets of siblings, grandparents, and other relatives. Occasions for jealousy and rivalry are similarly increased. Because women tent to get custody of children, a remarried man will often

have children who do not live with him, while he lives with children who are not biologically his.

(3) In Japan, there are more than 300,000 traditional "matsuri", which means festival in Japanese, and they are very different from area to area. The Nebuta Matsuri takes place from the 2nd to the 7th of August in Aomori City. Nebuta are lantern floats which depict human figures and are accompanied by thousands of chanting dancers. The parade starts at sunset and continues for hours.

(4) Làng lụa Hà Đông thuộc phường Vạn Phúc, quận Hà Đông nằm cách trung tâm Hà Nội khoảng 10 km. Nổi tiếng với nghề dệt hơn ngàn năm tuổi, lụa Vạn Phúc làm say đắm du khách thập phương với nhiều mẫu hoa văn độc đáo. Ngoài việc khám phá quy trình sản xuất lụa, du khách có thể dễ dàng lựa chọn cho mình những sản phẩm ưng ý ở các khu trưng bày và bán sản phẩm.

(5) Ở Italy, người dân chỉ uống một ly cà phê cappuccino trước buổi trưa. Nhiều người dân nơi đây tin rằng nếu uống vào buổi chiều, cappuccino sẽ gây ra các vấn đề về tiêu hóa. Vì vậy khi tới đất nước hình chiếc ủng, bạn chớ nên gọi một cốc cappuccino vào 3 h chiều hay sau một bữa ăn tối nếu không muốn bị nhận diện là khách du lịch.

(6) Ở Hàn Quốc, nếu người lớn tuổi rót rượu hay đồ uống cho bạn, hãy nhận, nâng cốc lên và giữ bằng cả hai tay. Điều này thể hiện sự tôn trọng đối với người hơn tuổi. Sau khi nhận ly rượu, bạn nên quay mặt sang một bên và uống. Trong bữa ăn, bạn không nên bắt đầu hoặc kết thúc trước người lớn tuổi.

Unit 2. Cultural Identity

Aims:

- Language related to cultural identity.
- Interpreting sentences with dummy subject.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 40-55 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 40-55 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Amazing cultural facts and traditions around the world

1) When you are invited to Russian parties with your wife or husband, you should not sit next to your spouse. Flowers are probably the best gift to give for a dinner party in Russia; however, it would be better to give an odd number of flowers.

2) In the United States, it is important to kiss someone at midnight for good luck in the New Year's Eve. Some people believe that if you don't kiss anyone you will be lonely all year.

3) Mexicans celebrate New Years' Eve by eating 12 grapes at the stroke of midnight. This tradition is actually fairly common among Latin American countries and dates back to their ancestors.

4) Koreans have strict drinking etiquette. You should never pour your own drink, and when pouring for someone older than you, put one hand to your heart or your pouring arm as a sign of respect.

5) In the Japanese society only criminals have tattoos! Therefore, it is forbidden for tattooed Japanese to use public bathtubs. If you have a tattoo, try not to show it, otherwise the Japanese think you belong to members of the underworld or at least you might appall them.

(6) Italians are very superstitious and for them, nuns and ambulances are associated with death. So if you plan to spend your holidays in Italy and you bump into one of them, don't hesitate and bless yourself with the sign of the Cross.

(7) In India, you can see two men walking holding hands. This doesn't mean that they are in a romantic relationship. This is just a sign of friendship. On the other hand, you will never see a couple expressing their love in public in India.

(8) When you stay with a French host family, make sure to spare some space in your stomach for the dessert. In France, people tend to enjoy a cheese tasting plate accompanied by a good red wine after meals. If you are drinking a red wine and want to change to white wine, please don't pour it in the same glass without cleaning it beforehand, if you don't want to be the laughing stock of the party.

(9) In some Asian countries such as China, Korea or Japan, a sign of approval and appreciation of someone's cooking is to slurp the soup loudly - what is considered rude in most western countries. It is considered very rude.

(10) A typical Chinese New Year celebration lasts for 15 days, the longest festival in the Chinese calendar. The two weeks of celebration usually end with a Lantern Festival; on the eve of the 15th day, families and friends again come together to eat and to put up lanterns or release them into the skies. It is considered good luck to thoroughly clean the house for the festival, thus getting rid of any bad feelings.

Source: http://www.sprachcaffe.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- At the stroke of midnight: đúng nửa đêm.
- Date back to: đã có, đã tồn tại.
- Drinking etiquette: nghi thức uống.
- Members of the underworld: dân xã hội đen, tầng đáy của xã hội.
- Superstitious: mê tín.

- Spare some space in one's stomach for the dessert: để bụng để dùng món tráng miệng.
- Laughing stock: trò cười, trò hề.
- Slurp: húp xì xụp, húp soàm soạp.
- Put up lanterns: treo đèn lồng.
- Release lanterns into the skies: thả đèn lồng lên trời.

Grammatical features

- "It" as a dummy subject.
- "It" tends to be followed by an adjective rather than a noun phrase.

✓ It's nice to be here.

✓ It's lovely to have time to relax.

- "It" is used with "be" + adj + verb-ing (this is considered less formal than to + infinitive, but the meaning is the same).

✓ It's nice being here.

✓ It's lovely having time to relax.

- We use "it" with times/dates and days.

✓ It's two o'clock.

✓ It's Wednesday.

✓ It's the 22nd.

✓ It's Christmas day.

- We use "it" for weather and similar conditions.

✓ It's cold.

✓ It's raining.

✓ It's very warm today.

✓ It's getting dark.

✓ It's too bright in here.

- We use "it" for distances.

✓ It's three miles to Lucy's house.

- We use "it" with people on the telephone or with people that we can't see or when we point people out.

✓ Hello! It's me!

✓ It's the postman at the door.

✓ Who's that woman over there? It's Elizabeth, the new boss.

- We use "it" with some other expressions.

✓ It takes two hours to get to London.

✓ It looks as if we are going to be late.

✓ It seems as though we might need some more money.

- We can also use "it" with passive reporting verbs.

✓ It is said/believed/understood/thought that...

✓ It must be noted that...

- We can use 'it' with cleft sentences.

✓ It was John who cleaned the flat.

✓ It was ten years ago that I studied Japanese.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note-taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on "*Tìm hiểu về Tết cổ truyền của người Việt*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Task 2: Listen and take note and interpret the short information on *"Japan - Tradition and Culture"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ What Vietnamese foods are interested by locals and international visitors?

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the video on "Các món ăn đặc sản nổi tiếng của Việt Nam".

Trong cuốn sách "Hành trình tìm kiếm đặc sản Việt Nam lần thứ 1" năm 2012 do Trung tâm sách kỷ lục thực hiện đã lập danh sách 50 món đặc sản nổi tiếng.

→ Trong Cuốn sách hành trình tìm kiếm đặc sản Việt Nam lần thứ 1 năm 2012 do trung tâm sách kỷ lục xuất bản, 50 món ăn đặc sản nổi tiếng của Việt Nam đã được công bố.

→.....

.....

→.....

.....

Vừa qua, tổ chức kỷ lục Châu Á cũng công bố thêm 12 món ăn Việt Nam được người nước ngoài yêu thích, ghi dấu trong lòng bạn bè năm châu cho dù họ đến Việt Nam công tác hay định cư, làm việc.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Kaiseki ryori là một loại hình ẩm thực truyền thống của Nhật Bản, có đặc trưng là sử dụng nguyên liệu theo từng mùa và sự phối hợp tinh tế giữa các món ăn. Trong một nhóm món ăn, vài món được phục vụ nóng, vài món được phục vụ lạnh, trong khi một số lại được chiên giòn. Các món được đem lên sao cho vừa vặn với tiến độ thưởng thức của thực khách.

(2) Vào ngày thứ 4 cuối cùng của tháng 8, hàng ngàn du khách trên thế giới đã đổ về làng Bunol, gần thành phố Valencia, Tây Ban Nha để tham gia lễ hội ném cà chua nổi tiếng La Tomatina. Năm nay là năm thứ 71 lễ hội được tổ chức với 160 tấn cà chua được sử dụng để cho du khách thỏa thích vui chơi.

(3) The International Mango Festival in Delhi features an array of recreational events and activities associated with mango, like mango eating competitions, quizzes, mango slogan writing, mango carving, children's shows, mango folk performances, mango tasting, and plenty of mangoes to go around with varieties of the fruit on display.

(4) Culture is who we are and what shapes our identity. No development can be sustainable without including culture. UNESCO ensures that the role of culture is recognized through a majority of the Sustainable Development Goals (SDGs), including those focusing on quality education, sustainable cities, the environment, economic growth, sustainable consumption and production patterns, peaceful and inclusive societies, gender equality and food security.

Words and expressions:

- Mango carving: khắc (tạc) trên quả xoài.
- Mango folk performances: các màn biểu diễn dân gian chủ đề về xoài.
- Sustainable Development Goals: mục tiêu phát triển bền vững.
- Sustainable consumption and production: (nguồn) cung, cầu bền vững.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Vẽ Henna Ấn Độ"* in Vietnamese and interpret.

Words and expressions:

- Vẽ Henna: Hennay tattoo.
- Phơi khô: dry.
- Giã nhuyễn: crush.
- Nhuộm: dye.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Task 1: Read the short passage about types of tea.

Tìm hiểu về các loại trà

Cây chè (trà) có tên khoa học là Camellia Sinensis được người Pháp đưa vào trồng ở Cầu Đất (Đà Lạt) năm 1927, sau đó có mặt ở Di Linh và B'lao năm 1930. Khởi nguồn từ cách chế biến cổ truyền luộc ép bớt nước đắng rồi sao khô và ướp hoa nhài, hoa sói, ngày nay du nhập thêm những phương pháp chế biến cầu kỳ của Đài Loan và Nhật Bản. Trước tiên là phân loại trà trên thế giới:

(1) Hồng trà (tiếng Anh gọi là Black Tea)

Đây là loại đã được ủ cho oxy hóa hoàn toàn và thường được người Anh, Mỹ, Ấn Độ, Trung Đông hay Nga,... sử dụng uống. Trà Lipton nằm trong túi lọc thuộc loại này. Đây là loại trà thường phải uống chung với sữa tươi, hay với mật ong, hoặc với đường như người Anh hay dùng trong buổi sáng hay buổi chiều gọi là "afternoon tea time".

(2) Trà Ô Long (tiếng Anh gọi là Black Dragon Brown Tea)

Loại này chỉ được ủ khoảng từ 20-60 %. Nguồn gốc của cái tên trà Ô Long bắt nguồn từ câu chuyện sau: Từ rất lâu rồi, ở vùng núi sâu An Khê Phúc Kiến, có người thợ săn gọi là Hồ Lương. Một ngày trở về nhà sau khi săn thú, mặt trời lên cao, thời tiết nóng nực, Hồ Lương sợ thịt ôi hỏng, bèn tiện tay ngắt vài lá cây ven đường che đậy. Về sau thấy nhà mình có mùi hương thơm ngát, nên tìm quanh quẩn trong ngoài, mới biết hương thơm tỏa ra từ lá cây đã ngắt. Anh dùng lá cây ngâm vào nước, uống thấy tinh thần muôn phần sảng khoái. Hồ Lương không quản đường xa, tìm tới nơi, đào cây mang về trồng. Nhưng mùi vị pha không giống như trước. Anh suy nghĩ mông lung, rồi hiểu rằng, lá trà phải phơi nắng, gia công rồi mới có hương thơm. "Hồ Lương" phát âm ngôn ngữ địa phương gần giống "Ô Long". Người dân trong vùng ghi nhớ công lao Hồ Lương liền gọi loại trà này là "Ô Long trà".

(3) Trà Xanh (tiếng Anh gọi là Green Tea còn gọi theo Hán Việt là Thanh Trà)

Loại này thì không được ủ. Có nhiều phương pháp chế biến như là: Trà xanh sấy khô bằng hơi nóng, Trà xanh sấy khô bằng phơi nắng, Trà xanh hấp, dùng hơi nước (chè Nhật), hay chần (nhúng vào nước sôi) để diệt men.

(4) Bạch trà (Kim Ngân trà)

Đây là một loại trà đặc biệt. Mặt dưới có nhiều lông tơ. Không có nhiều tài liệu nói về loại trà này. Truyền thuyết kể rằng đó là loại trà đặc sản từ thời Minh, sau được La Hán đem mầm cây về trồng, vò rồi sao trên lửa, chế thành một loại lá trà, bề ngoài ưu tú thanh nhã, sắc xanh như châu ngọc, phủ lớp lông tơ trắng mịn, lại có mùi thơm như hoa, vị ngọt tựa cam đường.

(5) Trà Phổ Nhĩ (Pu'erh Tea)

Đây là loại trà cổ xưa và hiếm gặp nhất. Mùi vị của nó hơi khó uống đối với người mới dùng trà.

Source: http://tamchau.com/vn/.

Follow-up questions:

- ✓ How many types of tea are there in the world? What are they?
- ✓ What are the differences in processing each type of tea?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"The Tea Culture of Taiwan"* in English.

Words and expressions:

- Cultivate plant: trồng cây.
- Shape civilization: hình thành nền văn minh.
- Intriguing culture: nền văn hóa thu hút, lôi cuốn.
- Camelia sinensis: cây trà (tên khoa học).
- Robust black tea: Hồng Trà.
- Steam: hấp.
- Oolong tea (Black Dragon Brown Tea): trà Ô Long.
- Red tea liquor: rượu trà đỏ.
- Post-fermented tea: trà lên men.
- Pu'erh tea: trà Phổ Nhĩ.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Thu hút hàng ngàn người dân đến tham dự và thưởng thức đặc sản cốm, Ngày hội văn hoá cốm Mễ Trì năm nay được tổ chức tại Cung Triển lãm kiến trúc, quy hoạch xây dựng quốc gia (Hà Nội) vào ngày 02/10. Bên cạnh việc thưởng thức những món ăn chế biến từ cốm Mễ Trì như cốm tươi, cốm trộn dừa, xôi cốm,... người dân còn được tận mắt chứng kiến quy trình làm cốm sạch.

(2) Du lịch Thái Lan là điểm đến hấp dẫn với rất nhiều người, chính vì thế để chuẩn bị cho chuyến đi thật hoàn hảo, chúng ta nên tham khảo về nền văn hóa, cũng như phong tục và các điều cấm kị, để luôn là người khách dễ mến. Ví dụ, người Thái thường chào theo kiểu chấp 2 tay trước ngực, hơi cúi đầu xuống vì theo họ, đầu chính là nơi thiêng liêng nhất.

(3) Người Mỹ thường dùng dĩa để cắt thức ăn sau đó lại chuyển sang dĩa khác để ăn nhưng đây được coi là hành động thiếu lịch sự và không đẹp mắt trong văn hoá ăn uống của người Anh. Vì vậy khi đến Anh hãy dùng dao bằng tay phải và lấy thức ăn bằng dĩa ở tay trái.

(4) Oktoberfest is a 16-18 day festival held each year in Munich, Bavaria, Germany, running from late September to the first weekend in October. It is one of the most famous events in Germany and the world's largest fair, with more than 5 million people attending every year. The Oktoberfest is an important part of Bavarian culture. Other cities across the world also hold Oktoberfest celebrations, modeled after the Munich event.

(5) The Tunarama Festival celebrates the tuna industry that is the lifeblood of the Port Lincoln community in South Australia. The family friendly festival includes a street parade and entertainment from local musicians and performers, as well as a handful of unique competitions from tuna tossing and watermelon eating to prawn peeling and keg rolling.

(6) The Frankfurt Book Fair is the world's largest trade fair for books, based on the number of publishing companies represented, as well as the number of visitors. It is held annually in mid-October at the Frankfurt Trade Fair, Germany. The first three days are restricted exclusively to trade visitors; the general public can attend on the last two.

Chapter 2
TOURISM

Unit 1. Responsible Tourism

Aims:

- Language related to responsible tourism.
- Interpretation of sentences beginning with "ing-form".
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 40-55 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 40-55 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

What is green tourism?

More than 2,300 tourism and hospitality businesses around the world are growing their business, telling their green story and reducing their impact on the environment. Beginning in the UK in 1997, Green Tourism launched its assessment and green certification program as a way to help hotels, motels, resorts, wineries, breweries, distilleries, restaurants, tour operators and tourist attractions improve their sustainability and become recognized for their efforts. Green Tourism is now growing across the globe.

One of the first sustainable tourism certification programs in the world, Green Tourism has remained one of the most sought-after eco-labels and certification programs. Unlike many other sustainable business certification programs that allow self-assessments and grading, every one of our members are individually assessed by trained green business experts, who review everything from energy efficiency to food sources. This thorough assessment process gives

our members insight into how to further reduce their businesses's impact on the environment, how to best manage future projects, as well as a personalized action plan about how to build their green business.

Du lịch xanh

Du lịch xanh (hay du lịch sinh thái) là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, kết hợp với giáo dục môi trường, thu hút được sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. Những năm gần đây, du lịch xanh ngày càng phát triển nhanh chóng ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Thực chất, mỗi chuyến du lịch xanh là một cuộc học hỏi, trải nghiệm, khám phá thiên nhiên với những gì sẵn có, chứ không nhằm thỏa mãn những đòi hỏi, yêu cầu của du khách như trong một chuyến du lịch nghỉ dưỡng. Không đơn giản là tận hưởng thiên nhiên, du lịch xanh còn đòi hỏi mỗi du khách biết tôn trọng, học hỏi và giữ gìn thiên nhiên. Tóm lại, du lịch xanh khuyến khích bảo vệ và giúp xã hội phát triển bền vững. Vì giữ vai trò giáo dục, nâng cao hiểu biết dân trí về môi trường sinh thái, văn hóa lịch sử,... du lịch xanh cũng được coi như giải pháp bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Môi trường sẽ không còn chịu nhiều ảnh hưởng từ hoạt động du lịch (quá trình khai thác, xây dựng cơ sở hạ tầng, rác thải du lịch,...), sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên phục vụ nhu cầu du khách cũng giảm, khiến thiên nhiên được bảo tồn nguyên trạng.

Source: https://www.greentourismcanada.ca/works/; http://timeoutvietnam.vn/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Hospitality businesses: kinh doanh khách sạn.
- Tour operators: công ty lữ hành.
- Du lịch sinh thái: eco-tourism.
- Phát triển bền vững: stable development.
- Sought-after eco-labels: hình thức du lịch sinh thái được du khách lựa chọn.

Grammatical features

- The phrase "beginning in the UK..." can be translated as được khởi xướng đầu tiên tại/xuất hiện lần đầu tiên tại...

- V-ing can be used to replace S+V, in this case "Beginning in the UK... Green Tourism lauched can be understood as Green Tourisom began in the UK... and it launched..."

✓ Beginning in the 1830s, Réunion was deforested for plantations.

✓ Beginning in the second half of the 19th century, American rates of sexually transmitted diseases skyrocketed.

✓ I dressed in a hurry before leaving the house.

- The sentence "du lịch xanh cũng được coi như giải pháp bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp".

- Được coi như/xem như can be translated as considered/regarded as.

✓ These cases were considered as "non-vaccinated".

✓ BMI (Body Mass Index) > 24.9 was considered as overweight.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Du lịch có trách nhiệm"* in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Nhóm chịu thiệt thòi: disadvantaged group.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Tourism in Thailand"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Scenic island of Phuket: hòn đảo Phuket xinh đẹp.
- Mass tourism: du lịch đại trà.
- Holidaymaker: khách du lịch.
- Massive environmental problem: vấn đề môi trường nghiêm trọng.
- Construction boom: bùng nổ/gia tăng về xây dựng.
- Environmental activist: nhà hoạt động vì môi trường.
- Ruthless exploitation: khai thác vô trách nhiệm.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: Take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) There are more than 1, 000 museums in France which welcome an estimated 70 million visitors every year. France's first museum - the Louvre - is also the world's largest and most visited museum. Foreign visitors account for around 70 %, with Americans, Chinese, Italians, Britons and Brazilians among the largest groups.

(2) The estimated number of foreign visitors to Japan this year has already surpassed last year's record 19.74 million, the Japan Tourism Agency said Monday. The aim is to have 40 million by 2020, when Tokyo will host the Olympic Games again. To help reach that goal, the government will consider further relaxing visa rules, including for Chinese, Indian and Russian nationals, while addressing a shortage of accommodations.

(3) Phú Quốc có khí hậu gió mùa cận xích đạo và hai mùa: mùa mưa (chỉ trong khoảng tháng 10) và mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 9 năm sau). Có thể đi du lịch tới Phú Quốc quanh năm, nhưng thời gian tốt nhất là vào mùa khô khi bầu trời trong xanh và có nắng.

(4) Khí hậu ôn hòa cùng với nhiều bãi biển đẹp, Algarve là điểm dừng chân lý tưởng dành cho những du khách đến thăm đất nước Bồ Đào Nha xinh đẹp. Đến Algarve, có rất nhiều hoạt động du lịch thú vị mà du khách không thể bỏ qua như nhảy dù đôi từ máy bay, lặn biển, lướt sóng.

Words and expressions:

- Japan tourism agency: sở/cơ quan du lịch Nhật Bản.
- Khí hậu ôn hòa: temperate climate.
- Khí hậu gió mùa cận xích đạo: sub-equatorial monsoon climate.
- Nhảy dù đôi từ máy bay: double parachuting from planes.
- Lặn biển: scuba diving.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage on "*Boryeong Mud Festival*".

Boryeong Mud Festival

Every summer, millions of visitors descend on Boryeong, South Korea. The idea for the festival began in 1998 as a promotion for the mineral-rich mud found near Boryeong, South Korea.

When the manufacturers of Boryeong Mud products determined the beneficial effects of their local mud, they invited visitors to slather themselves in the stuff. The event took on a life of its own rather quickly, attracting thousands of visitors to this otherwise sleepy town annually for the beach, the warm weather, and, of course, the mud.

Thousands of gallons of mud are taken from the Boryeong mud flats to create attractions such as mud wrestling pits, mud prisons and mud slides. The festival runs for two weeks and attracts enormous crowds.

Organisers claim more than 3.2 m people attended last year's festival. Organisers claim the mud has health benefits as it is rich in minerals. The festival was originally started as a marketing vehicle for a company that uses the mud in its cosmetic products.

Source: https://www.everfest.com/.

Follow-up questions:

- ✓ Where is the mud festival held?
- ✓ What are main activities in the festival?
- ✓ How long does the festival last?
- ✓ What benefits can the festival bring to Boryeong?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Lễ hội Tắm bùn Hàn Quốc"* into English.

Words and expressions:

- Lễ hội tắm bùn: mud festival.

- Lễ hội bất thường: unique festival.
- Đấu vật bùn: mud wrestling.
- Chạy marathon bùn: mud (obstacle) marathon.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Welcome to Vietnam"* into Vietnamese.

Words and expressions:

- Mother nature: mẹ thiên nhiên.
- Heart touching magnificent landscape: cảnh quan tuyệt đẹp lay động lòng người.
- World Natural Heritages: kỳ quan thiên nhiên thế giới.
- Trang An landscape complex: Khu Danh thắng Tràng An.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Trong năm 2017, ngành du lịch đặt mục tiêu đón 11,5 triệu khách du lịch quốc tế (tăng 1,5 triệu so với năm 2016) và 70 triệu khách nội địa. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Nguyễn Văn Tuấn khẳng định, ngành du lịch sẽ nỗ lực hết sức để vượt xa mục tiêu đề ra. Đông Bắc Á, ASEAN, Tây Âu vẫn là những thị trường tiềm năng nhất đối với Việt Nam.

(2) Tối ngày 20/3 tại Hà Nội, Đoàn Thanh niên Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp với Trung tâm Triển lãm nghệ thuật Việt Nam tổ chức chương trình giao lưu nghệ thuật và thi thuyết trình với chủ đề "Yêu thương chia sẻ" hưởng ứng ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3. Thứ trưởng Bộ VHTTDL Vương Duy Biên đã tới dự.

(3) Đến thăm Đà Lạt, bạn nên dành vài giờ ghé thăm một kiến trúc được xây dựng giữa thế kỷ XX mang tên Nhà thờ Mai Anh. Với tổng diện tích là 12 ha nằm cách trung tâm Đà Lạt khoảng 1 km về phía tây nam, quần thể nhà thờ được xây dựng theo phong cách Châu Âu thế kỷ XVII có kết hợp với kiến trúc của dân tộc thiểu số bản địa vùng Tây Nguyên.

(4) The Veneto is the former heartland of the powerful maritime Republic of Venice, the economic and trading power that lasted from the 7th to the 18th

century. Today it's Italy's richest region, thanks to the wealth created by yearlong tourism and a strong industrial base.

(5) London is one of the world's top tourist destinations, attracting upward of 15 million visitors annually. Britain's capital city also boasts one of the planet's greatest concentrations of cultural attractions. From royal palaces to the people's parliament, from Roman ruins to castles and cathedrals, you could spend endless days exploring London's sites without ever running out of unique things to see and do.

(6) After neglecting the tourism sector for years, in favor of the lucrative oil industry - Venezuela, a country where explorer Christopher Columbus once believed he had found heaven on earth are struggling to draw travelers, with only 700,000 visitors each year. In order to deal with the problem, the Venezuelan Association of Travel and Tourism Agencies launched a high-profile campaign to draw tourists such as offering special vacation packages and having better public-private collaboration in the tourism sector.

Unit 2. Importance of Tourism

Aims:

- Language related to tourist destinations.
- Interpreting sentences with frequently-used verbs.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 40-55 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 40-55 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Top tourist destinations of the world

Rank	International Tourist Arrival (million) 2010
1. France	76.8
2. United States	59.7
3. China	55.7
4. Spain	52.7
5. Italy	43.6
6. United Kingdom	28.1
7. Turkey	27.0
8. Germany	26.9
9. Malaysia	24.6
10. Mexico	22.4

According to the figure compiled by UNWTO, international arrivals grew from 25 million in 1950 to 940 million in 2010. In 1950, destinations of the developed countries account for 98 % of all the international arrivals. However, this percentage fell to 53 % in 2010. In 2010, Europe accounted for 50.7 %, Asia and the Pacific for 21.7 %, Americas for 15.9 %, the Middle East for 6.4 % and Africa for 5.2 % of the world's total international tourist arrivals. Meanwhile, Middle East region has experienced the highest annual tourist arrival growth rate

at 9.6 % since 2000. Africa came second at an annual rate of 6.4 % and Asia and the Pacific came third at an annual rate of 6.3 %.

Top tourism spenders of the world

International Tourism's Top Spenders 2010

	International tourism expenditure (US$ billion)	**Market share (%)**	**Expenditure per capita (US$)**
Germany	77.7	8.5	952
United States	75.5	8.2	244
China	54.9	6.0	41
United Kingdom	48.6	5.3	780
France	39.4	4.3	625
Canada	29.5	3.2	866
Japan	27.9	3.0	219
Italy	27.1	2.9	449
Russian Federation	26.5	2.9	189
Australia	22.5	2.5	1,014

Source: http://www.edb.gov.hk/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

- The phrase "account for" can be interpreted as "chiếm" bao nhiêu %, thị phần, số lượng, tỷ lệ,...

E.g.:

✓ Chips account for 35 % of Korea's exports.

✓ In 1950, destinations of the developed countries account for 98 % of all the international arrivals.

- There are some other choices for interpretation:

- Make up.
- Contribute.
- ...

✓ Oil and diamonds make up 60 % of Angola's economy and almost all of its exports; manufacturing barely exists.

✓ Thousands of workers in tourism, which in good times contributed 12 % of Egypt's GDP, have also been left idle.

• The word "experience" can be interpreted as "đạt được" mức, tỷ lệ,...

✓ Middle East region has experienced the highest annual tourist arrival growth rate at 9.6 % since 2000.

✓ There are some other choices for interpretation:

- Gain.
- Obtain.
- Reach.
- ...

According to the Peruvian government, the country's tourism dollars reached $ 2.22 billion in 2008, an 11 % increase from $ 2 billion in 2007.

However, interpretation and translation is an art, requiring skills and experiences. Words and expressions can be understood basing on specific contexts and therefore be interpreted flexibly.

✓ Medical tourism for aesthetic surgery has gained popularity.

✓ As sustainable tourism increased, the local community also gained more knowledge of the area and received a variety of social and economic benefits.

• Some phrases can be shortened to serve for better interpretation

✓ In 2010, Europe accounted for 50.7 %, Asia and the Pacific for 21.7 %, Americas for 15.9 %, the Middle East for 6.4 % and Africa for 5.2 % of the world's total international tourist arrivals.

✓ In females, breast cancer (21.6) ranked the first, followed by cancers of the lung (21.3), stomach (18.5), liver (13.7), and colorectum (12.2).

✓ Referring to the most frequent five diseases in adult patients encountered in their current practice, 77 % of responders ranked the cardiovascular diseases first, followed by metabolic disorders - 46 %, cancers - 46 %, degenerative bone disorders and chronic respiratory diseases.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on *"Giới thiệu về du lịch Mộc Châu"* in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Không gian mở: open space.
- Hoa đặc trưng của núi rừng Tây Bắc: Tay Bac (typical) flower.
- Khung cảnh thiên nhiên lãng mạn: romantic scenery.

Task 2: Listen, take note the short information on *"Japan"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Tranquil: thanh bình.
- Edo: tên riêng.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ What are negative effects of climate change?

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the video on "*Việt Nam hướng tới du lịch bền vững trong kỷ nguyên biến đổi khí hậu*".

Hiện nay ở Việt Nam biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, văn hóa và du lịch đơn cử như nước biển dâng ảnh hưởng đến các bãi biển.

→ Hiện nay ở Việt Nam biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, văn hóa và du lịch. Một ví dụ là nước biển dâng ảnh hưởng đến các bãi biển.

→.....

.....

→.....

.....

Một số bãi biển có thể sẽ biến mất hoặc bị xói lở sâu vào đất liền làm hư hại.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Ngọn núi Phú Sĩ là ngọn núi lửa cao nhất vẫn còn hoạt động tại Nhật Bản. Núi Phú Sĩ có giá trị rất lớn về văn hóa: nó đã truyền cảm hứng cho nhiều họa sĩ và những người thích khám phá. Núi Phú Sĩ là một biểu tượng độc đáo của xứ sở hoa anh đào, nơi đây là sự kết hợp, hòa quyện tuyệt vời của thiên nhiên với văn hoá, tôn giáo.

(2) Tháp Eiffel là một địa điểm du lịch nổi tiếng thế giới. Ngọn tháp cao 324 m (tính cả ăng ten), được hoàn thành vào ngày 31/3/1989, là biểu tượng của thủ đô Paris. Đây là nơi tốt nhất để nhìn ngắm toàn cảnh thủ đô. Bạn có thể đến thăm tháp Eiffel bất kì lúc nào. Đặc biệt, Eiffel trở nên rất lãng mạn vào buổi tối, khi nó đã lên đèn.

(3) The Bay of Islands is one of the most popular tourist attractions in New Zealand. The picturesque area contains 144 islands, many secluded bays and some great sandy beaches. This beautiful bay has an abundance of marine life including whales, penguins, dolphins and the big marlin. Not surprisingly, it is a popular gathering place for sailing yachts on world cruises and international sport fishermen.

(4) The majority of the South Korean tourist industry is supported by domestic tourism. Thanks to the country's extensive network of trains and buses, most of the country lies within a day's round trip of any major city. International tourists come primarily from nearby countries in Asia. Japan, China, Hong Kong and Taiwan together account for roughly 75 % of the total number of international tourists.

Words and expressions:

- Big marlin: loài cá marlin cỡ đại.
- Secluded bays: vịnh nằm tách biệt.
- The Bay of islands: vịnh đảo.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage on Da Lat.

Da Lat is the capital city of Lam Dong province, Vietnam (Dalat or Da Lat) is the City of Flowers and honeymooners with lovely French villas, the fresh air, the beautiful waterfalls and gorgeous lakes sits in a lush and green valley of postcard beauty. Dalat's specific sights are pine forest (forming the name: "City of thousands of pine trees") with twisting roads and tree marigold, cherry blossom in the winter. The city's temperate weather stands in contrast to Vietnam's otherwise tropical climate. Mist covering the valleys almost year-round leads to its name "City of eternal spring", Spring is eternal and "unique season" in Da Lat.

Da Lat is located at the height of approx. 1,500 m (4921 ft) above sea level on the Langbiang Plateau in the southern parts of the Central Highlands, and is surrounded by lovely mountains, according to a local, carry lyrical names like Elephant's Head and Lady's Body.

Da Lat has been calling as Vietnam's "vegetable garden" due to its year-round cool weather. Da Lat supplies temperate agriculture products for all over Vietnam. Indeed, Dalat is renowned for its orchids, roses, vegetables, and

fruits. There are nascent wine-making and flower-growing industries in the region of Asia (main flower consuming market is Singapore, Hongkong, Korea, Japan). Every 2 years, The National Flower Festival is held in this city with many participants over the world.

In addition of charming nature and architecture, Da Lat has the grand variety of cultural life of Ethnic Minority People. Many cultural festivals of Ethnic Minority People were hold at the Ethnic Minority villages in outskirt of Da Lat.

Source: https://www.dalattrip.com/.

Follow-up questions:

✓ What are the other names of Da Lat?

✓ What is Da Lat famous for?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"The short introduction on Da Lat"* into English.

Words and expressions:

- Nằm ở độ cao so với mực nước biển: at an altitude of/at a height of...
- Thưởng ngoạn cảnh sắc trên những cung đường uốn lượn: enjoy the natural beauty/views on the way to...
- Hòa mình vào thiên nhiên thơ mộng: immerse yourself into romantic natural landscape.
- Rừng thông xanh ngát: green pine jungle.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"An introduction on Amsterdam, the Netherlands"* into Vietnamese.

Words and expressions:

- Multicultural city: thành phố đa văn hóa.
- An historical open-air museum: bảo tàng lịch sử ngoài trời.
- The Netherlands = Holland: đất nước Hà Lan.
- Inner canal district: khu kênh đào nội đô.
- Golden age: thời đại hoàng kim.

- National monument: đài tưởng niệm quốc gia.
- Museumplein: tên riêng (trung tâm văn hóa nghệ thuật của thành phố Amsterdam).
- An internationally protected heritage site: di sản thiên nhiên thế giới được bảo vệ.
- Canal houses and old warehouses: ngôi nhà bên kênh đào và nhà kho cổ.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Công viên Hitachi Seaside là một trong những điểm du lịch "vàng" của đất nước Nhật Bản. Với diện tích 3,5 ha, nơi đây có rất nhiều ngọn đồi, mỗi ngọn đồi là mỗi loại hoa khác nhau, khoe sắc suốt 4 mùa trong năm. Công viên này đặc biệt nổi tiếng với hoa nemophilas - loài hoa năm cánh màu xanh dương trong suốt đua nhau nở rộ trong công viên tạo nên cảnh đẹp "độc nhất vô nhị".

(2) Nhận thức rõ vai trò của du lịch xanh đối với sự phát triển của ngành du lịch và bảo vệ tài nguyên, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã phối hợp với Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) tổ chức Hội nghị quốc tế về xây dựng khung chiến lược phát triển du lịch Việt Nam cũng như đẩy mạnh hợp tác phát triển hoạt động du lịch sinh thái của Việt Nam.

(3) Theo kết quả điều tra của Viện Hải dương học thì các hoạt động du lịch là một trong những tác nhân gây ô nhiễm môi trường tại nhiều vùng biển thời gian qua. Chẳng hạn đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) là một khu du lịch lý tưởng cho du khách trong và ngoài nước. Tuy nhiên, nhu cầu xây dựng lớn để phát triển du lịch tại đây đã làm thay đổi cảnh quan, mất đi vẻ đẹp tự nhiên của vùng biển đảo này.

(4) The Great Wall of China was built over 2,000 years ago, by Qin Shi Huangdi, the first emperor of China during the Qin Dynasty (221-206 B.C.). The Great Wall is one of the largest building construction projects ever completed. It stretches across the mountains of northern China, winding north and northwest of Beijing.

(5) Venice, the capital of Veneto, is a small fantastic city, unique in the world and full of charm and mystery. Extremely concentrated, every monument, Church or museum contains a piece of history, a legend or a tradition.

Venice is also called the City of Lights but its impossible to describe the reason you should be there when the sun goes down and wonder the show of the illuminated city.

(6) Africa has plenty of amazing national parks, but none combine such a variety of landscapes and wildlife as Namibia's Etosha National Park. Not only can you catch a glimpse of giraffes, zebras, and leopards at the park's watering holes, but you can also explore over 2,000 ancient rock paintings.

Chapter 3
ENVIRONMENT

Unit 1. Climate Change across the Globe

Aims:

- Language related to climate change and ecological problems.
- Interpretation of voices in sentences, parallel structure, non-subject sentences in Vietnamese.
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 40-55 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 40-55 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Ecological problems across the globe

Africa

Africa is the only continent where poverty is expected to rise in the next century. Twenty-five countries will lack sufficient fresh water by 2025. Some 200 m Africans are undernourished. Deforestation, growing deserts, soil degradation and loss of species are occurring across the continent. Cities are growing faster than governments can develop services for them. Slums are causing serious health problems.

Asia and the Pacific

This area sees 60 % of the world's population depending on 30 % of the world's land. Rapid economic growth and energy demand is likely to go on causing environmental damage. At least one in three Asians has no safe water to

drink. Asia's tendency to develop megacities such as Tokyo, Delhi and Jakarta generates environmental stress. Forest fires are a serious problem - 1 m hectares (2.5 m acres) of Indonesia's forests were lost in 1997. Marine life has been degraded by overfishing and pollution.

Europe and Central Asia

Road transport is the major source of air pollution and congestion is a serious problem. Europe produces a third of all global warming gases. Each person in western Europe produces 35 % more waste than in 1980. Over-fishing has left North Sea stocks seriously depleted. More than half of the large cities in Europe are using too much of their groundwater supply.

Hãy cứu lấy Trái đất

Trong những thập kỉ gần đây, ngoài những vấn đề căn bản như ngăn chặn một cuộc chiến tranh nguyên tử, giữ gìn hòa bình, hạ thấp tỷ lệ tăng trưởng dân số, vấn đề bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề lớn có tính toàn cầu, có tầm quan trọng sống còn đối với loài người trên Trái đất.

Tỷ lệ các loại khí thải độc hại trong bầu khí quyển tiếp tục tăng; tỷ lệ rừng bị tàn phá ở mức báo động; 1/3 dân số thế giới vẫn bị thiếu nước, nếu không có biện pháp mới để quản lý nguồn nước ngầm, năm 2050, thế giới sẽ lâm vào khủng hoảng nước.

Nguyên nhân của tình trạng suy thoái môi trường là do phát triển công nghiệp nhanh, tệ nạn phá rừng ngày càng nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu, sự mất cân bằng giữa tài nguyên và dân số, tình trạng chạy đua vũ trang gia tăng.

Việt Nam cũng đang đứng trước thử thách nghiêm trọng về môi trường sinh thái. Hiện nay tại một số khu vực, công nghiệp, nồng độ bụi và khí thải độc hại đã vượt quá mức cho phép nhiều lần do việc đa số các nhà máy vẫn còn sử dụng công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ kĩ. Đứng trước tình trạng đó, Chính phủ Việt Nam cần xây dựng hệ thống văn bản pháp quy làm căn cứ cho việc bắt buộc thi hành các tiêu chuẩn về xả thải, kiểm soát ô nhiễm và xử lí vi phạm. Đồng thời, cần rút ra bài học của những nước đã công nghiệp hóa và phải có kế hoạch đề phòng, hạn chế ô nhiễm trong thời gian tới.

Source: https://www.theguardian.com/; Nguyen Viet Ky, Translation and Practices.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Fresh water: nước ngọt, nước sinh hoạt.
- Undernourished: bị suy dinh dưỡng.
- Soil degradation: thoái hóa đất.
- Megacity: thành phố lớn (có ít nhất khoảng 10 triệu dân).
- Marine life: môi trường thủy sinh.
- Chiến tranh nguyên tử: nuclear war.
- Khí thải độc hại: toxic gases.
- Tỷ lệ rừng bị tàn phá: deforestation rate.
- Khủng hoảng nước: water crisis.
- Phát triển công nghiệp nhanh: rapid industrial growth.
- Tệ nạn phá rừng: deforestation.
- Tình trạng chạy đua vũ trang gia tăng: increasing arms race.
- Các nước đã công nghiệp hóa: industrialized countries.

Grammatical features

- **Voice**

Passive voice is used more frequently in English than in Vietnamese, so when interpreting from English into Vietnamse, student interpreters should use active voice, instead of passive voice.

E.g. 1: "Africa is the only continent where poverty is expected to rise in the next century".

→ "Dự báo, nạn đói vẫn tiếp tục hoành hành ở Châu Phi trong thế kỷ tới".

E.g. 2: "Marine life has been degraded by overfishing and pollution".

→.....

E.g. 3: "1 m hectares (2.5 m acres) of Indonesia's forests were lost in 1997".

→.....

- **Parallel structure (similar patterns of words)**

E.g. 1: "... ngoài những vấn đề căn bản như ngăn chặn một cuộc chiến tranh nguyên tử, giữ gìn hòa bình, hạ thấp tỷ lệ tăng trưởng dân số, vấn đề bảo vệ môi trường ..." can be translated as follows "... besides the fundamental problems, such as preventing a nuclear war, keeping peace, lowering population growth, protecting environment ...". (V_ing).

E.g. 2: The sentence "Nguyên nhân của tình trạng suy thoái môi trường là do phát triển công nghiệp nhanh, tệ nạn phá rừng ngày càng nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu, sự mất cân bằng giữa tài nguyên và dân số, tình trạng chạy đua vũ trang gia tăng" can be rendered as "Rapid industrial growth, ever more serious deforestation on a global scale, the imbalance between resources and population and increasing arms race are all contributing to the environmental degradation". (Noun phrases).

- **Non-subject sentences in Vietnamese - English interpreting**
- It + to be + (for somebody) + to do something.
- Put in the real subject that is often found in the previous sentence(s).
- Passive voice.
- V_ing (S) + V + O.

E.g. 1: The sentence "Chính phủ Việt Nam cần xây dựng hệ thống văn bản pháp qui làm căn cứ cho việc bắt buộc thi hành các tiêu chuẩn về xả thải, kiểm soát ô nhiễm và xử lí vi phạm." can be translated into "It is essential for Vietnamese government to set up/establish the constitution of legal documents acted as a basis for the enforcement of emission standards, pollution control and violations fines".

E.g. 2: The sentence "Đồng thời, cần rút ra bài học của những nước đã công nghiệp hóa và phải có kế hoạch đề phòng, hạn chế ô nhiễm trong thời gian tới." should be rendered into English as follows "It is important (for Vietnamese government) to grasp the lessons of industrialized countries and plan to limit pollution in coming time." (the real subject in this case is Vietnamese Government/the Governemt of Vietnam).

Or "Vietnam is supposed to grasp the lessons of industrialized countries and plan to limit pollution in coming time". (passive voice).

E.g. 3: Cần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa song song với bảo vệ môi trường.

→.....

→.....

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Hành động vì môi trường"* in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Có nguy cơ tuyệt chủng: to become extinct/on the edge of extinction.
- Loài động thực vật: species of (wild) fauna and floral.
- Thảm họa thiên nhiên: natural disasters.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Household air pollution in Vietnam"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Solid fuel: nhiên liệu rắn.
- House hold air pollution: ô nhiễm không khí trong hộ gia đình.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Ngày 03/3, Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã tổ chức lễ khởi công dự án nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét, tại Trạm radar Pha Đin, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Dự án này được triển khai bằng nguồn vốn ODA vay ưu đãi của Chính phủ Phần Lan.

2) Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lăk hiện toàn tỉnh có hơn 2.000 hộ đồng bào các dân tộc thiếu nước sinh hoạt, trong đó tập trung nhiều nhất ở các huyện Buôn Đôn với gần 1.000 hộ. Để có nước sinh hoạt, người dân trong vùng phải đi xa hàng kilomét để tìm kiếm nguồn nước suối, một số hộ dân phải mua nước đóng bình với giá đắt đỏ.

3) For millions of Americans, climate change has already passed the point of no return: no matter what action the world tries to take, their cities will be submerged by rising sea levels. Scientists have identified 414 towns and cities in the United States that are guaranteed to eventually be underwater, regardless of how much humans decrease their carbon emissions. It's not clear how much time these areas have left, but the study concludes their eventual fate is a certainty.

4) Nearly 200 countries took part in the negotiations to strike the first climate deal to commit all countries to cut emissions, which would come into being in 2020. Accordingly, all countries will gather in Paris to discuss a possible new global agreement on climate change, aimed at reducing greenhouse gas emissions to avoid the threat of dangerous warming due to human activities.

Words and expressions:

- Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia: The National Center for Hydro-Meteorological Forecastings (NCHMF).
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Ministry of Environment and Natural Resources.
- Lễ khởi công: groundbreaking ceremony.
- Dự án nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét: the improvement project on rainfall measurement and thunderstorm forecasting.
- Trạm radar Pha Đin: Phadin radar station.
- Nguồn vốn vay ưu đãi: preferential loans.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Department of Agriculture ad Rural Development.
- Nước sinh hoạt: fresh water/water for domestic usage.
- Nước suối: upstream water.
- Nước đóng bình: bottled water.

- Be submerged: bị chìm.
- Rising sea levels: mực nước biển dâng.
- Greenhouse gas emissions: lượng phát thải khí nhà kính.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage on "*Climate change consequences*".

Climate change consequences

Climate change affects all regions around the world. Polar ice shields are melting and the sea is rising. In some regions extreme weather events and rainfall are becoming more common while others are experiencing more extreme heat waves and droughts.

These impacts are expected to intensify in the coming decades.

Consequences for developing countries

Many poor developing countries are among the most affected. People living there often depend heavily on their natural environment and they have the least resources to cope with the changing climate.

Risks for human health

Climate change is already having an impact on health:

- There has been an increase in the number of heat-related deaths in some regions and a decrease in cold-related deaths in others.
- We are already seeing changes in the distribution of some water-borne illnesses and disease vectors.

Costs for society and economy

Damage to property and infrastructure and to human health imposes heavy costs on society and the economy.

Between 1980 and 2011 floods affected more than 5.5 million people and caused direct economic losses of more than €90 billion.

Sectors that rely strongly on certain temperatures and precipitation levels such as agriculture, forestry, energy and tourism are particularly affected.

Risks for wildlife

Climate change is happening so fast that many plants and animal species are struggling to cope.

Many terrestrial, freshwater and marine species have already moved to new locations. Some plant and animal species will be at increased risk of extinction if global average temperatures continue to rise unchecked.

Source: https://ec.europa.eu/.

Follow-up questions:

✓ What are the main impacts of climate change on developing countries?

✓ What are the risks of climate change to people's health?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Pari và kế hoạch chống lại biến đổi khí hậu"* into English.

Words and expressions:

- Biến động thời tiết: climate influctuation/change.
- Xe hơi chạy bằng điện: electric cars.
- Làn xe hơi: vehicle lanes.

3.2.2. English-Vietnamese Interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"The speech of the 12-years-old girl silenced the world"* into Vietnamese.

Words and expressions:

- Severn Suzuki, Vanessa Suttie, Morgan Geisler, Michelle Quigg: tên riêng chỉ người.
- Environmental Children's Organization: Tổ chức Trẻ em vì môi trường.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Water pollution happens when toxic substances enter water bodies such as lakes, rivers, oceans and so on, getting dissolved in them, lying suspended in the water or depositing on the bed. This degrades the quality of water. Not only does this spell disaster for aquatic ecosystems, the pollutants also seep through and reach the groundwater, which might

end up in our households as contaminated water we use in our daily activities, including drinking.

(2) Apart from solid natural waste, there are other types of man-made wastes that are more hazardous to the environment. Cell phone, for instance are made of lead, mercury and plastic and so many millions of them get thrown as garbage. This kind of electronic garbage creates environmental problems. Another problem is the fact that disposing of the junk is hazardous. For example, mercury will leach when certain electronic devices, such as circuit breakers are destroyed.

(3) As we become more technologically advanced, we produce materials that can withstand extreme temperatures, are durable and easy to use. Plastic bags, synthetics, plastic bottles, tin cans, and computer hardware are some of the things that make life easy for us. But what we forget is that these advanced products do not break down naturally.

(4) Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Môi trường và Các vấn đề xã hội, hiện nay tại Việt Nam tập trung ở các thành phố lớn đang ô nhiễm tiếng ồn trầm trọng. Nhiều thành phố hiện nay đang phải gánh chịu tình trạng quá ồn ào và gây ảnh hưởng lớn đến đời sống sức khỏe của người dân.

(5) Qua một cuộc nghiên cứu gần đây cho thấy, ô nhiễm môi trường nước và không khí ở Hồ Tây đang trong tình trạng đáng báo động. Mỗi ngày hồ Tây phải tiếp nhận 4.000 m^3 nước thải của các nhà hàng, quán ăn và người dân sinh sống ven hồ thải xuống.

(6) Một lượng lớn các loài động vật hoang dã trên Trái đất đột nhiên biến mất là vấn đề lớn, phức tạp mà mỗi quốc gia đang phải đối đầu. Việc xâm phạm rừng, làm biến đổi môi trường sống của các loài đang là một trong những nguyên nhân chính khiến nhiều động vật trong Sách Đỏ Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới bị tuyệt chủng. Một số rất hiếm hoi còn lại thì "đứng trên bờ vực".

Unit 2. Environment Pollution

Aims:

- Language related to environmental pollution.
- Interpreting some synonymous words.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 40-55 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 40-55 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Four surprising facts about global warming

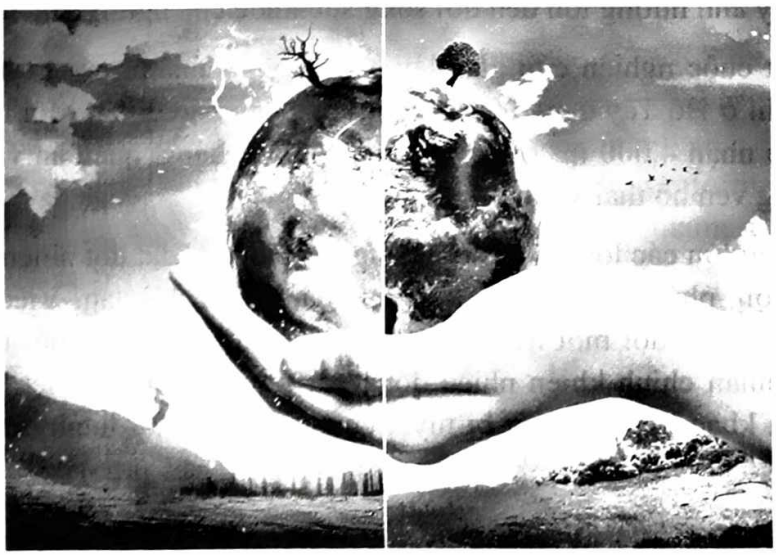

(1) It makes people more aggressive

As the world gets hotter, tempers also get fierier. A new study found that violent crimes and even war become more likely as temperatures rise. Heart rates tend to be elevated in warm weather, so people are prepped for a physical response to a situation. That's not to say we're headed for a violent end as Earth warms up, though. Advances in everything from technology to health

have sparked a decline in conflict. It's just that global warming might be slowing that decline.

(2) It makes asthma worse

Climate change increases the amount of smog in the air and causes plants to produce more pollen, according to the Natural Resources Defense Council. Those combine to make breathing harder for people, which can be especially tricky for people with asthma and other respiratory illnesses.

(3) It could sink cities

Global warming raises sea levels, and that could threaten cities in a number of states. Sea levels have risen about seven inches in the last 100 years, which is more than in the previous 2,000 years combined, according to Do Something, a nonprofit aimed at empowering young people. And they could rise another 19 inches by 2050. That means cities like New Orleans and Miami could start to look like Venice. Rising water levels can also put fragile coral reefs in danger. Coral relies on sunlight, which could become scarce as water levels rise.

(4) It makes mountains taller

Mountain ranges are growing as a result of global warming. That's because the glaciers that have literally been weighing them down and pushing them into Earth for centuries are melting, according to LiveScience. That has allowed the planet's surface to "spring back" and the mountains to rise.

Source: http://abcnews.go.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Natural Resources Defense Council: Ủy ban Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Respiratory illnesses: bệnh đường hô hấp.
- Fragile coral reefs: rạn san hô mỏng.
- Glacier: sông băng.

Grammatical features

- The word "as" in the sentence "As the world gets hotter, tempers also get more fiery" can be interpreted as "khi".

✓ As I was leaving, the phone rang.

✓ He slapped her on the backside playfully as she passed.

✓ That's not to say we're headed for a violent end as Earth warms up.

• "As" can be understood as "với tư cách là...".

✓ However, as the head of the government, I never hid any information because it was inconvenient for us.

✓ Tuba Büyüküstün will participate in these projects as the Goodwill Ambassador for UNICEF.

✓ The structure "tend to be" in the sentence "Heart rates tend to be elevated can be interpreted" as "có xu hướng"

✓ The crowd can be a little different in some places. For example, in Europe, people tend to be very respectful.

✓ The regions that will likely see the highest rise in sea level tend to be in locations of frequent hurricane occurrence.

• There are some other choices for interpretations:

- Have a tendency.

- Move toward.

• The structure "spark a decline" in the sentence "Advances in everything from technology to health have sparked a decline in conflict" can be interpreted as "làm giảm".

✓ On Tuesday, a disappointing Institute of Supply Management report on the services sector sparked a 370-point decline on the Dow.

✓ Did removing lead from petrol spark a decline in crime?

• There are some other choices for interpretations:

- Decrease.

- Experience a decline.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on *"Ô nhiễm không khí"* in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Hạt nhỏ li ti: micro-particles.
- Tổ chức Y tế: Health Organization.

Task 2: Listen, take note the short information on *"Water pollution"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Cholera: bệnh tả.
- Refugee camps: trại tị nạn.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ At what age should we educate children on environment protection?

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the videos on *"Lớp học về môi trường"*.

Nhằm giúp các em học sinh có thể hiểu rõ hơn về vấn đề bảo vệ môi trường, một số trường học trên huyện Cát Bà, thành phố Hải Phòng đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục môi trường thiết thực có ý nghĩa nhằm giúp các em nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về vấn đề bảo vệ môi trường, từ đó có những hành động tích cực để giúp cho môi trường trở nên xanh, sạch, đẹp hơn. Và trong thời gian gần đây, nhân viên Dự án Bảo tồn Voọc Cát Bà đã đến từng trường tiểu học để có thể giảng giải cho các em học sinh về vấn đề bảo vệ môi trường.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Giờ Trái đất là chiến dịch toàn cầu do Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF) phát động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải CO_2 góp phần bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu toàn cầu. Chiến dịch này được thực hiện lần đầu tiên vào năm 2007 tại Sydney - Australia. Đến nay, chiến dịch đã được tổ chức tại 172 quốc gia và vũng lãnh thổ.

(2) Ô nhiễm không khí có thể nói là một vấn nạn của hầu như tất cả các thành phố lớn trên thế giới. Trong đó, thành phố Bắc Kinh chính là khu vực nổi cộm về vấn đề này khi Chính phủ Trung Quốc liên tục đưa ra báo động đỏ về tình trạng ô nhiễm vượt ngưỡng nguy hiểm tại thành phố này.

(3) Air pollution is a major contributor to ill health in the UK, but it's hard to say exactly by how much. Dirty air doesn't directly kill people. But it's estimated in the UK to contribute to the shortening of the lives of around 40,000 people a year, principally by undermining the health of people with heart or lung problems. The 40,000 pollution-related deaths figure is not a count of actual deaths - it's a statistical construct, with a lot of uncertainty involved.

(4) According to the World Health Organization (WHO), over 90 % of the world's population live in areas where air pollution exceeds safety guidelines. One of the pollutants that is considered the most dangerous is very fine particulate matter, referred to as PM2.5, where particles have a diameter of less than 2.5 micrometres. These complex particulates come from diesel cars, wood burning stoves and as a by-product of chemical reactions between other polluting gases.

Words and expressions:

- Giờ Trái đất: Earth hour.
- Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF): World Wildlife Fund.
- Nâng cao nhận thức của cộng đồng: raise people's awareness on.
- Đưa ra báo động đỏ về: sound the red alarm about.

- Pollution-related deaths: những ca tử vong do ô nhiễm.
- Safety guidelines: những quy định về an toàn.
- Fine particulate matter: hạt bụi trôi nổi (trong không khí).
- Pm2.5 (particulate matter 2.5) hạt bụi lơ lửng có đường kính nhỏ hơn 2.5 μm.
- Complex particulate: hạt chất rắn mịn.
- By-product: phụ phẩm.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage on E-waste.

E-waste

Electronic waste, or e-waste, is a term for electronic products that have become unwanted, non-working or obsolete, and have essentially reached the end of their useful life. Because technology advances at such a high rate, many electronic devices become "trash" after a few short years of use. E-waste is created from anything electronic: computers, TVs, monitors, cell phones, PDAs, VCRs, CD players, fax machines, printers, etc..

Obsolete electronic devices are rapidly filling the landfills of the globe. In the US alone, more than 100 million computers are thrown away with less than 20 % being recycled properly. The EPA (Environmental Protection Agency)

estimates as much as 60 million metric tons enter landfills every year. Most electronics that are improperly thrown away contain some form of harmful materials such as beryllium, cadmium, mercury and lead. These materials might be trace elements but when added up in volume, the threat to the environment is significant.

Solving the e-waste problem starts with education and habit changes as a result of knowledge. Most people are trained to recycle a newspaper, bottles, and cans. Almost anything electronic in nature can be recycled properly with effort. It is important that any e-waste processor is fully certified in safe destruction and follow certified documented procedures to safely dispose of electronic waste.

Source: http://www.bostonelectronicwaste.com/.

Follow-up questions:

✓ What is e-waste?

✓ Can e-waste be reduced, reused and recycled?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Tái chế rác thải điện tử ở Hàn Quốc"* into English.

Words and expressions:

- Kim loại quý: rare metal.
- Đất hiếm: rare earth.
- Thủy ngân: mercury.
- Giám đốc điều hành: executive manager.
- Hiệp ước quốc tế: international convention.
- SR center: Seoul resource center.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Global warming"* into Vietnamese.

Words and expressions:

- Nitrous Dioxide: NO_2.
- Retain heat: giữ nhiệt.
- Reflect light: phản chiếu ánh sáng.

- Absorb light: hấp thụ ánh sáng.
- Infrared light: tia hồng ngoại.
- Regulate the temperature: điều hòa nhiệt độ Trái đất.
- World surface temperature: nhiệt độ bề mặt Trái đất.
- Melting of the polar ice caps: hiện tượng băng tan.
- Flooding coastal areas: gây ngập lụt các khu vực ven biển.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) "El Nino" (theo tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là đứa con của Chúa) là từ được dùng để chỉ hiện tượng nóng lên dị thường của lớp nước biển bề mặt ở khu vực xích đạo trung tâm và Đông Thái Bình Dương, kéo dài 8-12 tháng, hoặc lâu hơn, thường xuất hiện 3-4 năm 1 lần, song cũng có khi dày hơn hoặc thưa hơn.

(2) Vấn đề ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta hiện nay đang là một vấn đề nghiêm trọng đối với môi trường đô thị, nông nghiệp, công nghiệp và các làng nghề. Ô nhiễm không khí không chỉ tác động trực tiếp đến sức khỏe con người mà còn có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và làm biến đổi khí hậu như: mưa axit, suy giảm tần ozon, hiệu ứng nhà kính.

(3) There is great debate among many people on whether global warming is real.But climate scientists looking at the data and facts agree the planet is warming. While many view the effects of global warming to be more substantial and more rapidly occurring than others do, the scientific consensus on climatic changes related to global warming is that the average temperature of the Earth has risen between 0.4 and 0.8 °C over the past 100 years.

(4) Experts in climate change predict that extreme weather events will increase in either frequency or severity, and these events are a very serious public health burden.Extreme-weather events fall into three categories: high-precipitation disasters (such as hurricanes and tornadoes), low-precipitation disasters (heat, droughts and wildfires) and sea-level rise disasters.

(5) Habitat loss is a major threat to rhino populations. There are several ways in which this is manifested including clearance of land for human settlement

and agricultural production, logging, authorised and illegal. This is a major threat to all species as wildlife needs space to live and survive. It is therefore also a major barrier for rhino numbers to recover and increase.

(6) Khu bảo tồn gấu trúc lớn Tứ Xuyên được Unesco công nhận là di sản tự nhiên thế giới. Nơi đây có hơn 30 % trên tổng số gấu trúc lớn trên thế giới sinh trưởng. Khu bảo tồn cũng là môi trường tốt nhất cho gấu trúc hiện nay trên thế giới. Tại đây, gấu trúc có nguồn thực phẩm lớn để sinh trưởng.

Chapter 4
ECONOMY

Unit 1. The Global Economic Trend

Aims:

- Language related to economy and finance.
- Paraphrase in interpreting and idiomatic expressions.
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

The richest countries in the world

Some of the smallest countries in the world continue to dominate the list of the world's richest countries, an analysis by Global Finance Magazine shows. The ranking was published in February and based on data from the International Monetary Fund.

The magazine ranked the world's countries according to their gross domestic product (GDP) based on purchasing power parity (PPP) per capita.

The PPP takes into account the relative cost of living and the inflation rates of the countries to compare living standards among the different nations. The small countries that dominate the top ten all have small populations compared to countries that lead the world purely in terms of GDP – such as the United States, China, or Germany.

Most of these small nations heavily depend on immigrant workers who often do not reside in the country they are working in or are not granted resident

status, and are therefore not counted in the GDP per capita calculations. 15 of the 30 richest countries in the world are in Europe, while big some big economies such as the US, Japan, and Canada also made the cut. The GDP per capita listed represents the amount of wealth produced last year and is expressed in international dollars.

Kinh tế Nhật Bản tiếp tục thăng hoa

(TBTCO) - Số liệu kinh tế Nhật Bản mới nhất đã làm nhẹ lòng Chính phủ và các nhà làm chính sách thuộc Ngân hàng Trung ương nước này (BoJ) - vốn đặt mục tiêu duy trì đà tăng trưởng và kéo nền kinh tế khỏi tình trạng giảm phát và trì trệ.

Văn phòng Nội các Nhật Bản ngày 13/2 công bố số liệu cho thấy trong quý cuối cùng trong năm nay, kinh tế nước này tăng trưởng 1 % so với cùng kỳ năm trước đó, bám sát đà tăng 1,1 % được thị trường dự đoán trước đó. Trong quý III, số liệu điều chỉnh cho thấy Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Nhật Bản tăng trưởng 1,4 %.

Đây là quý thứ tư liên tiếp kinh tế Nhật Bản tăng trưởng dương giữa bối cảnh nhu cầu thương mại mạnh lên và chi tiêu vốn tăng, càng củng cố đà phục hồi ổn định được dẫn dắt bởi xuất khẩu. Chi tiêu vốn - thành phần chủ chốt của GDP - trong quý IV tăng 0,9 %, ngược chiều với đà giảm 0,3 % ghi nhận trong quý trước đó.

Tuy đây là tín hiệu vui đối với Chính phủ Nhật Bản và các quan chức BoJ, nhưng giới phân tích cho rằng bất ổn liên quan đến các chính sách của Tổng thống Mỹ Donald Trump đã phủ một bóng mây lên nền kinh tế phụ thuộc xuất khẩu của Nhật Bản khi mà nhu cầu nội địa vẫn chưa thực sự đủ mạnh.

Số liệu mới cũng cho thấy GDP sơ bộ quý IV tăng 0,2 % so với quý III, so với mức dự đoán 0,3 % được các nhà phân tích đưa ra trước đó.

Nhu cầu từ bên ngoài đóng góp 0,2 % cho GDP do sức tăng trong xuất khẩu nhờ đà tăng trong nhu cầu tiêu thụ ô tô từ thị trường Trung Quốc và Mỹ và linh kiện điện tử từ Châu Á.

Chi tiêu tư nhân (chiếm khoảng 60 % GDP) quý trước dường như không chuyển biến (giảm 0,01 %), khá trùng với dự đoán của các chuyên gia kinh tế. Giá thực phẩm tươi và rau củ tăng được cho là đã làm giảm sức mua của hộ gia đình.

Đầu tư bất động sản - được coi một điểm sáng trong nền kinh tế nhờ lực đẩy từ chương trình nới lỏng tiền tệ mạnh mẽ của BoJ - quý IV chỉ tăng 0,2 % - mức tăng chậm nhất trong bốn quý năm nay.

Source: http://uk.businessinsider.com/; http://thoibaotaichinhvietnam.vn/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Gross domestic product (GDP): tổng sản phẩm quốc nội (giá trị của tất cả hàng hoá và dịch vụ sau cùng sản xuất ra).
- Nominal GDP: GDP danh nghĩa (đo lường các giá trị này theo giá hiện hành).
- Real GDP: GDP thực (đo lường các giá trị này theo giá của một năm gốc).
- Purchasing power parity (PPP): ngang giá sức mua (là một phương pháp điều chỉnh tỉ giá hối đoái giữa hai loại tiền tệ để cân bằng sức mua của hai đồng tiền này).
- Consumer Price Index (CPI): chỉ số giá tiêu dùng (là chỉ số tính theo phần trăm để phản ánh mức thay đổi tương đối của giá hàng tiêu dùng theo thời gian. Sở dĩ chỉ là thay đổi tương đối vì chỉ số này chỉ dựa vào một giỏ hàng hóa đại diện cho toàn bộ hàng tiêu dùng).

Grammatical features

- **Paraphrase in interpreting**

✓ Số liệu kinh tế Nhật Bản mới nhất đã <u>làm nhẹ lòng</u> Chính phủ và các nhà làm chính sách thuộc Ngân hàng trung ương nước này (BoJ).

→.....

.....

✓ Giới phân tích cho rằng bất ổn liên quan đến các chính sách của Tổng thống Mỹ Donald Trump <u>đã phủ một bóng mây</u> lên nền kinh tế phụ thuộc xuất khẩu của Nhật Bản.

→.....

.....

✓ Chi tiêu tư nhân (chiếm khoảng 60 % GDP) quý trước dường như không chuyển biến (giảm 0,01 %), khá trùng với dự đoán của các chuyên gia kinh tế.

→.....

.....

✓ Đầu tư bất động sản - được coi một điểm sáng trong nền kinh tế nhờ lực đẩy từ chương trình nới lỏng tiền tệ mạnh mẽ của BoJ.

→.....

.....

- English idioms and idiomatic expressions (related to Money - Finance - Wealth)

Made the cut	By extension, to meet the requirements necessary for an application to be successful or to be selected from agroup of candidates. *Because of my poor grades in math, I ended up not making the cut for Harvard.*
live on the breadline	People who *live on the breadline* have a very low income or barely enough money to survive. *Due to the recent crisis, there are more people on the breadline than ever before.*
chicken feed	An amount of money considered small or unimportant is called *chicken feed.* *I got a job during the holidays but the pay was chicken feed.*
other side of the coin	When you want to mention a different or contradictory aspect of a situation, you refer to *the other side of the coin.* *The house is lovely and spacious, but the other side of the coin is that it is far from shops and schools.*
at all costs	If you are determined to obtain or achieve something *at all costs*, you want it regardless of the expense, effort or sacrifice involved. *The journalist was determined at all costs to get a report from the war zone.*
burn your fingers	If you *burn your fingers* (or *get your fingers burnt*), you suffer financially as a result of foolish behaviour. *Jack got his fingers burnt playing on the stock market.*

deep pockets	A person or organisation who has *deep pockets* has a lot of money. *Andy's business is not doing well at the moment. He says he needs a friend with deep pockets!*
down payment	When someone makes a *down payment*, they pay part of the total amount agreed when signing a purchase deal or contract. *Emma and Paul are excited. They put a down payment on their first house yesterday.*
made of *money*	A person who is *made of money* is very rich and can buy whatever they want. *Hey! I can't afford that much. I'm not made of money!*
Money laundering	When people *launder money,* they manage to conceal the source of illegally-obtained money so that it is believed to be legitimate. *Certain countries have been accused of facilitating money laundering.*
not for love or *money*	If you say that you cannot or will not do something *for love or money*, you mean that you will not do it under any circumstances. *I would not try bungee jumping for love or money!*
see colour of someone's *money*	If you want to *see the colour of somebody's money,* you want to be sure that the person in question has enough money to pay you before you accept to do something. *I want to see the colour of his money before shipping the goods.*

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"Dự báo về sự suy thoái kinh tế toàn cầu"* in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Chương trình kích thích kinh tế: economic stimulus program.
- Sự trì trệ: stagnation.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on *"US's solar industry report"* in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Solar panel installation: lắp đặt các tấm pin chạy bằng năng lượng mặt trời.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Ông Đỗ Hà Nam, Chủ tịch Tập đoàn Intimex-một trong những doanh nghiệp chiếm 30 % lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam cho biết, trong năm qua ngành cà phê được coi là một năm thành công khi xuất khẩu bứt phá. Giá cà phê liên tục tăng từ tháng 4 đến nay, giá thu mua đã có thời điểm lên đến 46.000 đồng/kg. Đây là mức giá cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

(2) Kenya sẽ sớm đưa ra một nghị định thư về việc nuôi thả cá, trong đó sẽ đưa ra những hướng dẫn cụ thể cho các nhà sản xuất. Ông Paul Otuoma, Bộ trưởng Bộ Phát triển ngành công nghiệp cá, cho biết nghị định thư này là nhằm đảm bảo việc những người nông dân nuôi thả cá sử dụng nguồn thức ăn chất lượng. Đây là một phần của gói kích cầu kinh tế đang được triển khai rộng khắp trên đất nước này.

(3) Since launching in 2012, Grab has evolved from a humble taxi-booking app to Southeast Asia's largest land transport company, with over 200,000 drivers and over 11 million mobile downloads. Since mid year, the company experienced 35 % average monthly growth in GrabCar rides and a 75 % average monthly growth in GrabBike rides across the region.

(4) Television advertising and Internet advertising are projected to account for close to 60 % of total global advertising revenue this year. Television advertising will dominate in developing countries, especially in rural areas, and will be boosted by a number of events such as the Olympic Games in Brazil, the US presidential elections and the UEFA European Championship.

Words and expressions:

- UEFA European Championship: Giải vô địch Bóng đá Châu Âu.
- Xuất khẩu bứt phá: breakthrough in export.
- Nghị định thư: Protocol.
- Bộ Phát triển ngành công nghiệp cá: Ministry of Fisheries Development.
- Gói kích cầu kinh tế: (Economic) stimulus package.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage about on "Vietnam and ASEAN economic community (AEC)".

Founded on December 31, 2015, the AEC was built on political-security, economic and socio-cultural pillars, towards building a politically-connected, people-oriented community with vibrant economic growth. The mission of the ASEAN Economic Community (AEC) is to create a common market and uniform production base, a competitive area, uneven development and integration of the global economy. To give ASEAN a single market and production base unified, AEC focuses on measures to facilitate the free flow of goods and trade, investment, services, skilled labor, and the free movement of capital flows more. However, the AEC has no plans to build a monetary union usingthe Euro as the European Union (EU).

Joining AEC will help Vietnam's economy restructure, institutions adjust accordingly the development of Vietnam's economy with other economies in

ASEAN. For Vietnam's businesses and local, AEC will bring many benefits and opportunities, but also accompanied by many challenges. The greatest opportunity brought by AEC is not just the ability to access ASEAN markets, but also the markets of ASEAN's FTA partners. On the other hand, workers in Vietnam will be protected by the legitimate rights of their legal, Vietnam legal system is gradually adapted towards ensuring the rights of workers, increasing the workers' voice in the management place and running the country with the spirit of "the people know, people discuss, people do and people check" and building the rule of law, the state of the people, by the people and for the people. In addition to these opportunities, AEC will also pose challenges to Vietnam, including big gaps in economic power, science-technology standards and workforce quality between Vietnam and ASEAN, particularly pressure from imported goods and competition of services and investment being larger. Firms producing electronic Vietnam faces a high risk of competing with imports from Thailand and Singapore, for example. Of course, in principle, Vietnam has the advantages, disadvantages, challenges and opportunities as joining AEC. It is important for Vietnam to take the advantages and overcome the disadvantages of economics, but above all, the interests of workers are protected, the voice of workers is concerned though that the required level is still lower than the requirements and demands of the Trans - Pacific Partnership - TPP.

Source: https://www.uef.edu.vn/.

Follow-up questions:

- ✓ What is the mission of AEC?
- ✓ What are the opportunities and challenges to Vietnam when joining in AEC?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Sinh viên trên hành trình AEC"* into English.

Words and expressions:

- Cộng đồng kinh tế chung: ASEAN Economic Community - AEC.
- Hiệp định xuyên Thái Bình Dương: Trans-Pacific Partnership - TPP.
- Cất cánh (kinh tế): economic take-off.
- Thị trường lao động: labour market.
- Nhu cầu về nguồn nhân lực lớn: high demand of labour force/work force.

- Tự do di chuyển lao động trong cộng đồng AEC: freedom in labour exchange among countries in AEC.
- Kỹ năng mềm: soft skills (English competence, interpersonal communication skill, presentation skill and group work).

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Economic Migration: The Chinese Dream"* into Vietnamse.

Words and expressions:

- Sun Feng: Thuận Phong (tên riêng chỉ người).

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Thủ tướng vừa ký quyết định sửa đổi về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn. Theo đó, danh mục hàng hóa được hỗ trợ lãi suất vốn vay là hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam, gồm: Hỗ trợ 100 % lãi suất các khoản vay để mua sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí,... Hỗ trợ 2 % lãi suất vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp.

(2) Khi nền kinh tế rơi vào tình trạng siêu lạm phát, Chính phủ Zimbabwe đã loại bỏ đơn vị tiền tệ nước này và chọn đô la Mỹ làm đồng tiền chính thức để ổn định kinh tế. Theo Thống đốc Ngân hàng Trung ương Zimbabwe John Panonetsa Mangudhla, mục đích là tạo động lực cho 5 % xuất khẩu, nhằm kích thích lưu thông đô la trong nền kinh tế.

(3) Không chỉ mang lại doanh thu khổng lồ cho ngành giải trí, âm nhạc còn góp phần quảng bá du lịch và thúc đẩy xuất khẩu hàng tiêu dùng cho Hàn Quốc. Theo thống kê của Cục Nội dung sáng tạo Hàn Quốc, ngành công nghiệp Kpop đã thu về 3,4 tỷ USD trong năm qua. Doanh thu tại nước ngoài cũng lên 180 triệu USD.

(4) Over the past years, Vietnam's agriculture production has made significant achievements, contributing to the national food security, economic development, poverty reduction, trade balance, reducing inflation, defending the territory as well as stabilizing socio-political situation in Vietnam. Although Vietnam has undergone obvious changes in economic and labor

structure, so far, 70 % of Vietnamese population lives in the rural areas. Therefore, agriculture production is their main livelihoods.

(5) UK industrial production and manufacturing output fell in two first months, leaving these sectors 0.9 and 1.2 per cent below their December peaks. The detailed subsector data also looks weaker, although some of this was caused by one-off factors such as a warm February pushing down demand for gas and sharp drops in pharmaceutical output.

(6) The importance of the services sector in the Singapore economy has increased steadily over time, particularly over the last one-and-a-half decades. Its share of total output and employment in the economy has risen at the expense of the manufacturing sector, and today accounts for about two-thirds of value-added and seven-tenths of employment. The declining share of manufacturing output has been accompanied by slower growth rates in the manufacturing sector.

Unit 2. Money and Its Strength

Aims:

- Language related to currencies around the world.
- Interpreting sentences with relative clauses.
- Interpreting noun phrases.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Currencies of the World

What money do you use depends on where are you living or planning to travel. Totally, there are 164 official national currencies circulating around the world although the number of the independent countries is 197 plus about five dozen of dependent territories. The matter is, that some of them don't have their own money and officially use the foreign currency.

Thus the European euro is used in 35 independent states and overseas territories, the United States dollar is used in 10 foreign countries and in the USA, the West African CFA franc - in 8 and the Central African CFA franc - in 6 African states, the East Caribbean dollar - in 6 Caribbean nations.

Country	Currency	IS0-4217
Australia	Australian dollar	AUD

Brazil	Brazilian real 	BRL
The United States of America	United states dollar 	USD
France	European euro 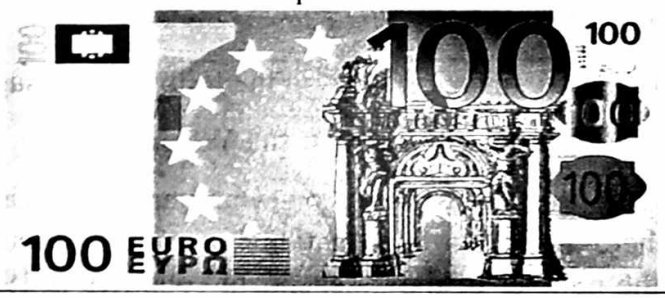	EUR
Japan	Japanese yen 	JPY
Mexico	Mexican peso 	MXN

Russia	Russian ruble 	RUB
South Africa	South African rand 	ZAR
United Kingdom	Pound sterling 	GBP
Vietnam	Vietnamese dong 	VND

Source: https://www.countries-ofthe-world.com/.

The world's most-traded currency is the US dollar with about 47 % share of global payments and 87 % of the forex market's daily turnover. On the second place is the Euro, having about 33 % of the daily forex transactions and 28 % share of the international bank payments.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- West African CFA franc: đơn vị tiền tệ chung của 8 nước Tây Phi sử dụng tiếng Pháp trong Liên minh Kinh tế và Tiền tệ Tây Phi gồm Bénin, Burkina Faso, Côte d'Ivoire, Guinea-Bissau, Mali, Niger, Sénégal và Togo.
- Central African CFA franc: đơn vị tiền tệ chung của 6 nước Trung Phi trong Cộng đồng Kinh tế và Tiền tệ Trung Phi gồm: Cameroon, Cộng hòa Trung Phi, Tchad, Cộng hòa Congo, Guinea Xích Đạo và Gabon.
- Share of global payments: thị phần thanh toán quốc tế/toàn cầu.
- Forex market (foreign exchange market): thị trường ngoại hối.
- Forex transaction: giao dịch ngoại hối.

Grammatical features

- **Relative clauses**

A relative clause gives extra information about nouns - how exactly does it do this? Unlike an adjective, which in English comes before the noun, relative clauses always follow the noun that they are defining or describing. In the following examples, the whole relative clause is in bold:

✓ I enjoyed the concert **that we went to last night.**

✓ The people **that you met at the party** are all old friends of mine.

The relative pronoun can be left out with no obvious change in meaning:

✓ I enjoyed the concert **we went to last night.**

✓ The people **you met at the party** are all old friends of mine.

- **Subject and object relative clauses**

✓ I can't find my notebook **that contains all my addresses.**

✓ The newspaper **that first reported the incident** is being sued.

- **Reduced relative clauses**

Although it is not possible to omit the relative pronoun in the subject relative clauses that we have just looked at, we can, omit an even larger piece of the relative clause and still retain a grammatically acceptable sentence.

Reduced relative verbs ending in -ing stand in for active verbs:

✓ I can't find my **notebook containing** all my addresses.

✓ She has never met the **lecturer leading** today's seminar.

✓ The tall **man standing** by the bar is my uncle.

✓ The **newspaper first reporting** the incident is being sued.

While the past participles replace passive verbs:

✓ The information **given in the brochure** is wrong.

✓ The criminal **picked up at the airport** was taken into police custody.

✓ We saw the new play **written by Tom Stoppard** at the Old Vic.

✓ The second piece **played by the orchestra** was very well received.

E.g. 1: There are 164 official national currencies which circulate around the world.

→ Reduced: There are 164 official national currencies circulating around the world.

E.g. 2: On the second place is the Euro, _____ (have) about 33 % of the daily forex transactions and 28 % share of the international bank payments.

E.g. 3: Vietnam has good social indicators for a low-income country _____(reflect) the priortity that the government has placed on providing helath and education to the whole population.

E.g. 4: Rapid urbanization, _____ (accompany) with weakness in strategic urban planning, is increasing the stress on already inadequate sanitation, drainage, sewerage and water supply systems.

- **Noun phrases**

Noun phrases: Information about a noun can be added before it and in different ways, for examples: traded currency, global payment, independent states, dependent territories, forex market, etc.

E.g. 1: Một công ty quản lý yếu kém.

→.....

E.g. 2: Một nhà máy sản xuất xe hơi.

→.....

E.g. 3: chương trình cải cách kinh tế toàn diện.

→.....

E.g. 4: bankrupted company.

→.....

E.g. 5: capital commitments.

→.....

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on "*Hiệp định TPP*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Task 2: Listen, take note and interpret the short information on "*Global Economy*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamse.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ What are today's global economic issues?

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the video on *"Rủi ro hệ thống ngân hàng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế"*.

Hiện tại, nền kinh tế toàn cầu đang gặp nhiều thách thức. Do đó mối lo ngại về tình trạng suy thoái có thể quay trở lại vẫn nằm trong sự hoài nghi của nhiều chuyên gia kinh tế.

→ Nền kinh tế toàn cầu hiện đang đối mặt với nhiều thách thức, vì thế các chuyên gia kinh tế lo ngại suy thoái kinh tế có thể sẽ quay trở lại.

→.....

.....

→.....

.....

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, các ngân hàng vẫn chưa có sự đóng góp vào đà tăng trưởng của thị trường thế giới. Vì vậy, sự điều chỉnh trong hệ thống ngân hàng là việc làm cần thiết để hỗ trợ cho quá trình hồi phục chung của kinh tế toàn cầu.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam trong tháng hai đầu năm, với khoảng 36 % thị phần. Thị trường nhập khẩu gạo lớn thứ hai của Việt Nam là Philippines (chiếm gần 25 % thị phần) cũng tăng khá mạnh, đạt trên 206 triệu tấn, kim ngạch gần 80 triệu USD.

(2) Thống kê mới nhất từ Tổng cục Hải quan cho thấy chỉ riêng ngày 15/3 đã có trên 4.800 ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống nhập về Việt Nam. Trong số đó đã có 3.000 chiếc nhập khẩu từ Ấn Độ. Mức giá xe nhập về từ Ấn Độ có mức trung bình chỉ 86 triệu đồng/chiếc, chưa gồm thuế phí.

(3) It is common knowledge and an obvious example of sexual inequality that men get paid more than women for doing the same job. One industry in which the reverse is true is modeling. The gender pay gap for male models and their female counterparts is gigantic. A well-known modeling agency has claimed that male models are paid as much as 75 % less than female models.

(4) Samsung, the South Korean tech giant, has warned owners of the Galaxy Note 7 to turn off their phone after more reports of the device catching fire.

The company will also stop shipping the flagship phone to stores. The device, launched in August, was set to rival Apple's iPhone. Samsung engineers must now conduct an investigation into what is causing so many phones to catch fire.

Words and expressions:

- Thị phần: market share.
- Kim ngạch: turnover.
- Tổng cục Hải quan: General Department of Vietnam Customs.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Nhật Bản khuyến khích phụ nữ đi làm*" into English.

Words and expressions:

- Chính sách ưu đãi: preferential policies.
- Dịch vụ trông trẻ: child-care services.
- Hợp đồng lao động: employment contract.
- Bù đắp cho ...: to make up for/compensate for...
- Hiện tượng dân số già: growing elderly population.
- Tăng năng suất lao động: boost productivity.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Task 1: Read the short passage about "*Mối quan hệ giữa tiền bạc và hạnh phúc*".

Mối quan hệ giữa tiền bạc và hạnh phúc

Liệu bạn có hạnh phúc hơn nếu bạn giàu có hơn? Nhưng các nghiên cứu trong nhiều năm qua chỉ ra rằng tiền bạc dồi dào hơn chỉ hạnh phúc hơn mức thu nhập cực thấp.

"Hạnh phúc", cũng cần học!

Dân Mỹ giàu hơn dân New Zealand nhưng họ không hạnh phúc hơn. Hay dân ở Áo, Pháp và Đức dường như cũng chẳng hạnh phúc hơn là bao so với dân ở những nước nghèo hơn như Brazil, Colombia và Philippines.

Tuy nhiên, so sánh giữa các nước có nền văn hoá khác nhau thì rất khó. Song nếu so sánh các mức thu nhập ở cùng một nước (ở ví dụ này là Mỹ) trong các thời điểm khác nhau thì cũng cho kết quả là tăng thu nhập không làm thay đổi đáng kể hạnh phúc của con người (trừ mức thu nhập cực thấp là dưới 12.000 USD/năm). Ngày nay, dân Mỹ giàu có hơn so với 50 năm trước nhưng họ không hạnh phúc hơn. Dân Mỹ với mức thu nhập trung bình (thu nhập gia đình vào khoảng 50.000-90.000 USD/năm) có mức hạnh phúc gần giống với mức của những hộ gia đình Mỹ khá giả (thu nhập gia đình hơn 90.000 USD/năm). Còn theo khảo sát mới đây của tờ Nam Phương cuối tuần (Quảng Châu, Trung Quốc), những triệu phú ở Trung Quốc (có mức tài sản trung bình là 2,2 tỷ NDT, tương đương 275 triệu USD) vẫn cảm thấy bất an và lo lắng mặc dù họ có vị thế xã hội và được hưởng cảm giác thỏa mãn mà tài sản của họ mang lại.

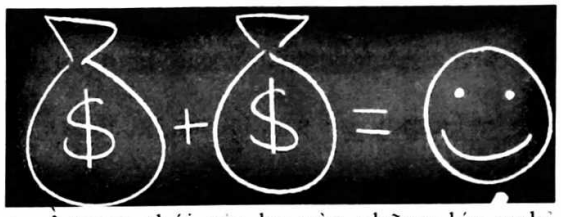

Giáo sư Daniel Kahneman ở Trường Đại học Princeton (Mỹ) (chủ nhân Giải Nobel Kinh tế 2002) và các nhà nghiên cứu khác đã thử đo tình trạng hạnh phúc chủ quan của con người bằng cách hỏi họ về trạng thái của họ vào những lúc nghỉ ngơi trong ngày. Số liệu nghiên cứu đưa ra trong bài báo được xuất bản trên tờ Science số ra ngày 30/6/2006 khẳng định rằng có rất ít sự tương quan giữa thu nhập và hạnh phúc.

Ngược lại, GS. Kahneman và các cộng sự còn phát hiện ra rằng những người có thu nhập cao hơn thường dành nhiều thời gian hơn cho những hoạt động gắn với những cảm xúc tiêu cực như căng thẳng và stress. Thay vì dành nhiều thời gian hơn để giải trí, họ thường phải dành nhiều thời gian hơn để làm việc và đi làm. Họ thường xuyên ở những trạng thái như thù địch, giận dữ, lo lắng và căng thẳng.

Tuy nhiên, có điều gì đó rất mâu thuẫn về điều này. Nếu tiền bạc không mang lại hạnh phúc thì tại sao tất cả chính phủ các nước tại tập trung vào việc tăng thu nhập quốc dân theo đầu người? Tại sao rất nhiều người trong chúng ta gắng sức để kiếm nhiều tiền hơn nếu tiền bạc không làm chúng ta hạnh phúc hơn?

Source: http://tuoitre.vn/tin/nhip-song-tre/.

Follow-up questions:

- ✓ Are you happy with your life?
- ✓ According to the passage, tell the relationship between money and happiness?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Money doesn't buy happiness*" into Vietnamese.

Words and expressions:

- Broke (adj) = flat broke: không còn 1 xu nào, cháy túi.
- Work your ass off: làm việc chăm chỉ, làm việc cật lực.
- Nest egg: tiền dành dụm, tiền tiết kiệm.
- Side jobs: nghề phụ.
- Freelance jobs: nghề tự do.
- To squander = to waste: lãng phí.
- Legacy: gia sản, tài sản (kế thừa).
- Slacker: kẻ lười biếng.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Muốn người tiêu dùng sử dụng gạo Việt Nam chất lượng cao, các doanh nghiệp phải tạo niềm tin cho người tiêu dùng bằng uy tín, chất lượng sản phẩm. Bởi hiện nay, gạo nội địa có nhiều thương hiệu gạo ngon, sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đóng gói bao bì đẹp, đạt chuẩn như gạo Tâm Việt, Hương Việt, Cỏ May,... nhưng kênh phân phối chưa phủ rộng.

(2) Trong thời gian gần đây trên địa bàn huyện U Minh xuất hiện một số đối tượng kinh doanh, vận chuyển ong nuôi và mật ong từ các tỉnh khác (không rõ nguồn gốc, xuất xứ) về huyện U Minh để nuôi và bán với số lượng lớn. Giá bán của loại mật này rất thấp khi chỉ từ 100.000 đồng/lít so với mật ong của địa phương từ 200.000-250.000 đồng/lít.

(3) Mắc ca là loại cây mới được đưa vào trồng thử nghiệm ở Tây Nguyên, bước đầu cho thấy cây có thể sinh trưởng phát triển được ở một số vùng sinh thái,

nhất là những vùng có khí hậu lạnh. Sau 5 đến 7 năm trồng, cây mắc ca đã cho năng suất, nên có triển vọng phát triển trên địa bàn Tây Nguyên.

(4) A company in the USA is paying its employees to sleep more. Staff at the insurance company Aetna will get $300 a year added to their salary if they get at least seven hours of sleep a night. That works out to just over an extra dollar for each night the employee sleeps over seven hours. The idea behind this scheme is employee performance. Human resources officials say employees will work better if they have slept well.

(5) A new report says the number of young people without a job is still very high in many countries. There are currently 73 million people around the world aged 15-24 who want to work but cannot find a job. The International Labour Organization (ILO) said that although youth unemployment is coming down in rich countries, it is rising in most of Asia, the Middle East, North Africa and Brazil.

(6) A new report has identified the top 25 companies in the USA to work for. The report comes out every year and always has some surprises. Top of the list was Google, which has become famous for its excellent working conditions. Google's employees can get free access to a gym, laundromat, sports facilities and a place which looks after their pets when they go on holiday.

Chapter 5
EDUCATION

Unit 1. Studying Abroad

Aims:

- Language related to education and trend of studying abroad.
- Paraphrase in interpreting and idiomatic expressions.
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Reasons why education is extremely important

(1) Happy and stable life

If you want to enjoy a happy life and good things, you certainly need to get educated. A great job and a good social reputation are enormous benefits of being an educated person. Education is a must for a promising and secure future and a stable life.

(2) Equality

If we want to see the world as a fair place where everyone is given equal opportunities, education is what we require. Education is a must if we want to do away with the existing social class and gender inequalities. It opens a whole world of opportunities for the poor so that they may have an equal shot at well-paying jobs. Education also plays a major role in women empowerment.

(3) Self dependence

Education is very important if you want to be a self dependent person. It helps you become financially independent but that is not all. Education also makes you wiser so that you can make your own decisions.

(4) Dreams

What is your dream, your aim in life? Do you want to become rich? Do you want to be popular? Do you want to be an extremely successful person who is respected by people? Well, the key to all is education.

(5) Better world

Education majorly affects our understanding of the difference between right and wrong. An educated person is well aware of the consequences of wrong/illegal actions and he is less likely to get influenced and do something which is not legally/morally right. Also, a number of uneducated people who live a poverty- stricken life owning to lack of opportunities often turn to illegal ways such as theft and robbery to solve their problems. If you are educated, you are well aware of your rights, the law and your responsibilities towards the society. Hence, education is an important factor which makes great contributions to social harmony and peace.

(6) Society

We all live in a society which has its own set rules and one of them is education. The society expects you to go to school followed by college, get a job, settle down etc. In fact, education helps you become a useful member of the society. An educated member certainly has a greater chance to contribute to his community. Education helps you become an active member of the society and participate in the ongoing changes and developments.

(7) Economic growth

Australia, USA and Japan are countries with very high literacy rates. These countries are extremely prosperous and the citizens have a high per capita income. On the other hand, in underdeveloped and developing nations, where illiteracy rate is high, a number of people are still living below the poverty line. Education is vital for the economic prosperity of a nation!

Source: https://www.linkedin.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- To do away with the existing social class and gender inequalities: chấm dứt/ xóa bỏ bất bình đẳng giới và tầng lớp xã hội.
- A poverty- stricken life: cuộc đời nghèo khó.
- Economic prosperity: sự phồn vinh/thịnh vượng.
- To be deprived of rights: bị tước quyền.
- Per capita income: thu nhập bình quân đầu người.
- Below the poverty line: dưới mức nghèo khó.
- (Il)literacy rate: tỷ lệ mù chữ/tỷ lệ biết đọc biết viết.

Grammatical features

- **Using double comparatives**

As you can see from these examples, the format of double comparatives is as follows:

The (more/less) + (noun/noun phrase) subject + verb + , + the (more/less) + (noun) subject + verb

Double comparatives with "more" and "less" can be used with adjectives in the same way. Look at some examples:

✓ The more educated you are, the better career options you have.

✓ The easier the test is, the longer students will wait to prepare. The faster the car is, the more dangerous it is to drive.

✓ The more the students study for the test, the higher their scores will be.

- **Collocations**

A collocation is two or more words that often go together. These combinations just sound "right" to native English speakers, who use them all the time. On the other hand, other combinations may be unnatural and just sound "wrong". Look at these examples:

Natural English...	Unatural English...
the fast train fast food	The ~~quick~~ train ~~quick~~ food
a quick shower a quick meal	A ~~fast~~ shower a ~~fast~~ meal

Why learn collocations?

- ✓ Your language will be more natural and more easily understood.
- ✓ You will have alternative and richer ways of expressing yourself.
- ✓ It is easier for our brains to remember and use language in chunks or blocks rather than as single words.

Types of collocation

There are several different types of collocation made from combinations of verb, noun, adjective etc. Some of the most common types are:

- **adverb + adjective:** completely satisfied (NOT ~~downright~~ satisfied).
- **adjective + noun:** excruciating pain (NOT excruciating ~~joy~~).
- **noun + noun:** a surge of anger (NOT a ~~rush~~ of anger).
- **noun + verb:** lions roar (NOT lions ~~shout~~).
- **verb + noun:** commit suicide (NOT ~~undertake~~ suicide).
- **verb + expression with preposition:** burst into tears (NOT ~~blow up in~~ tears).
- **verb + adverb:** wave frantically (NOT wave ~~feverishly~~).

Combine the verbs on the left with the nouns on the right. Can you think of any more nouns to go with these verbs? Find equivalent collocations in Vietnamese.

Verbs	**Nouns**			
1. Give	(sb) confidence	decision	An effort	A good impression
2. Have	Right(s)	A belief	An idea	An opinion
3. Make	Rules	Chances/ an pportunity	A target	Support
4. Set	A contribution/ a donation	An influence/ an effect	An example	Advice

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on "*Xu hướng du học của Việt Nam*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on "*University of South Wales*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: Take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Tổ chức Education First vừa công bố chỉ số đánh giá Anh ngữ của 72 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo báo cáo này, trình độ tiếng Anh của người Việt được cải thiện đáng kể so với những năm trước. Năm nay, Việt Nam nắm giữ hạng 7 trong phạm vi khu vực châu Á và thứ 31/72 toàn cầu.

(2) Mỗi năm Việt Nam có chừng 150 ngàn sinh viên ra trường, và chỉ có 5-10 % sinh viên giỏi có trình độ tiếng Anh và kỹ năng mềm tốt tìm được việc làm với thu nhập cao ở các công ty nước ngoài. 90-95 % còn lại không có việc làm, hoặc có việc nhưng thu nhập thấp.

(3) China education is the largest education system in the world. Investment in education accounts for about 4 % of total GDP in China. On March 2017, Ministry of Education announced a total of 442,773 international students were studying in China in 2016. Over the past few years, the number of international students who study abroad in China has significantly increased every year.

(4) TOEIC is the world's leading test of English language proficiency in the global workplace, with more than 7 million test takers each year in 150 countries. In Vietnam, TOEIC has been used as the English proficiency benchmark for graduation in more than 127 universities, colleges, vocational schools, and as standards for hiring, placing and promoting employees of more than 350 corporations and companies nationwide.

Words and expressions:

- Chỉ số đánh giá Anh ngữ: English Proficiency Index.
- Ministry of Education of the People's Republic of China: Bộ Giáo Dục Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.
- Benchmark for graduation: tiêu chuẩn đầu ra.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage on "*Choosing the USA*".

Choosing the USA

Every year, the number of international students in the US rises as more and more students choose the Unites States as the place they wanted to broaden their experience and continue their education. In fact, the US is now the most popular country for international students because of following reasons:

Academic excellence

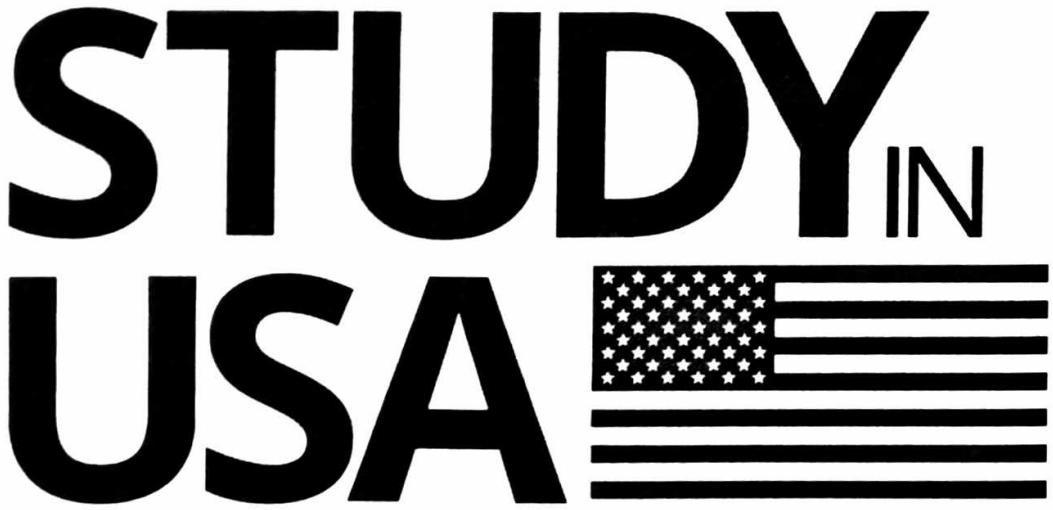

The United States has one of the world's finest university systems, with outstanding programs in virtually all fields. At the undergraduate level, excellent programs exist in traditional disciplines, as well as in professional fields. At the graduate level, students have the opportunity to work directly with some of the finest minds in their field of study, with the chance to become involved with exclusive research and educational opportunities. U.S. degrees are recognized throughout the world for their excellence.

Variety of educational opportunities

The United States is home to several thousand colleges and universities, boasting at least ten times as many campuses as in any other country. As a result, the higher education system in the U.S. has something for everyone. Some U.S.

colleges and universities stress broad educational principles; others emphasize practical, employment-related skills; and still others specialize in the arts, social sciences or technical fields. This means that no matter what you plan on studying, you will have a wide variety of programs in your particular field from which to choose.

Cutting-edge technology

Universities in the U.S. pride themselves on being at the forefront of technology, research and techniques, and in making the best possible equipment and resources available to their students. Even if your field does not directly involve science or engineering, you will have opportunities to become skilled in using the latest technology to conduct research, as well as obtain and process information. You will find ways to stay connected with researchers, teachers and experts in your field all over the world.

Opportunity for research, teaching and training

You may be able to gain valuable experience through teaching and/or research while you help to finance your education in the U.S., particularly if you are a graduate student. Many graduate programs offer training and teaching opportunities that enable students to become teaching assistants to undergraduates and/or research assistants on special projects exploring different aspects of your field of study. International students are some of the most valued teachers and researchers in U.S. universities because they bring new skills and ideas to the classroom and library or laboratory. This practical component of your education will prove useful in your future career, and may give you insights into your field that would not be possible through course study alone.

The United States is not the only country seeking strong candidates when hiring; international students are in high demand elsewhere, as well. In recent years, international companies have become much more proactive in recruiting from the pool of strong international student graduates. Your long-term career prospects can be enhanced by your experiences through the development of self-confidence, independence and cross-cultural skills - attributes which are in high demand with employers worldwide.

Source: https://www.internationalstudent.com/.

Follow-up questions:

- ✓ Why do more and more international students choose the U.S.A to study?
- ✓ What are the opportunities and challenges of studying here?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Nền giáo dục Hoa Kỳ*" into English.

Words and expressions:

- Tái lập bang giao (thiết lập lại quan hệ ngoại giao): reset/reestablish diplomatic relation.
- Khoa học kỹ thuật: engineering technology.
- Khoa học xã hội: social science.
- Nghiên cứu văn hóa, lịch sử: cultural and historical research.
- Xã hội học: sociology.
- Triết học: philosophy.
- Viện giáo dục quốc tế Mỹ: US Institute of International Education (IIE).
- Hàng không vũ trụ: aerospace.
- Sân khấu, điện ảnh: Drama and Cinematography.

3.2.2. English - Vietnamese Interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Global Education Challenge*" into Vietnamese.

Words and expressions:

- Educational system: hệ thống giáo dục.
- Standardized test score: điểm kiểm tra đạt chuẩn.
- Student absenteeism: nạn bỏ học.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Lê Thế Linh, một học sinh 17 tuổi tại Hà Nội đạt được mục tiêu 6.5 IELTS trước dự định 3 tháng nhờ tìm ra cách học hiệu quả mang tên phương pháp học chủ động (Active learning). Cách học này giúp rèn luyện từng kỹ năng riêng một cách sát sao như phát âm chuẩn, viết bài sao cho hay, cho đến cách sử dụng cấu trúc thế nào cho đúng và ăn điểm trong kỳ thi IELTS.

(2) Hơn 1.000 bạn sinh viên đã tham dự Hội thảo TOEIC for Career tại Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh và Đại học Công nghệ Giao thông vận tải Hà

Nội trong tuần đầu tháng 10 vừa qua. Tại Hội thảo, thầy Nguyễn Hoàng Long Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cho biết: "Để khuyến khích các em sinh viên tự học ngoại ngữ, nhà trường đã xây dựng 5 phòng lab học ngoại ngữ với trang thiết bị hiện đại với tổng kinh phí 18 tỉ đồng".

(3) Chương trình "Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học" diễn ra từ nay đến 20/10, 300 giáo viên ba cấp tại TP.HCM có cơ hội tiếp cận những công cụ giảng dạy tốt nhất. Các công cụ phục vụ soạn bài giảng cũng được giới thiệu như Onenote, Sway, Top 100 công cụ,... nhằm đổi mới phương pháp dạy và học, tạo hứng thú cho học sinh.

(4) In Finland, not only are bachelor degree programs completely free of tuition fees, so are master and doctoral programs. Students pursue higher education goals without the mountains of student loan debt that many American students face. And the same goes for foreign students. Tuition is free for any student accepted into a college or graduate program in Finland.

(5) For millions of young Asians, education has become a sophisticated form of fortune. Although Japan's pressure-cooker school system gets more international attention, the same formula applies to all of Asia's centers of prosperty. From early elementary school on, test scores reign supreme. Parents, teachers and administrators regard class rankings as a measure of their own status and drive the students ever harder to outperform each other in rote learning.

(6) St. Mary's University, founded in 1852, is the first institution of higher learning in San Antonio and the oldest Catholic university in Texas and in the Southwest. It offers 75 programs, including doctoral and law programs, and has a diverse student population of about 3,800. The student/faculty ratio of 12-to-1 permits small classes and promotes active learning.

Unit 2. Blended Learning

Aims:

- Language related to blended learning.
- Structures showing possibility, word building in interpreting.
- Interpreting noun phrases.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage:

Five benefits of blended learning

(1) Improves efficiency

Blended learning allows teachers to use a combination of digital instruction and one-on-one face time to improve efficiency in the classroom. When students use adaptive learning technologies to work on their comprehension of new concepts, teachers can use the additional class time to give struggling students the individualized attention that they need. Rather than playing to the lowest common denominator - as they would in a traditional classroom - teachers can now streamline their instruction to help all students reach their full potential.

(2) Saves money

Education can be extremely expensive. From continually reordering textbooks so they're up to date to having school supplies on hand, the costs add up. Blended learning can help school districts save money by allowing students to bring their own technology devices to class to

take full advantage of the adaptive learning software. The use of e-textbooks, which can also be accessed on computers, tablets and e-readers, may also help drive down costs.

(3) Personalizes learning

Blended learning is able to personalize education in a way that a more traditional classroom setup simply cannot. When teachers stand in front of a sea of desks and educate students about a new concept, kids of varying academic skill levels are not able to take extra time or work ahead as they may need. Blended learning allows students to work at their own pace, making sure they fully understand new concepts before moving on.

(4) Better student data

Software used with blended learning programs is able to collect student data that measures academic progress. In this way, teachers can clearly see the areas in which each individual student is excelling, and where he or she may need a little more guidance, and act accordingly.

(5) Common core state standards

Digital fluency is a goal of the Common Core State Standards, and states working to implement the new academic guidelines will need to make sure that technology is integrated into a variety of subject areas. Blended learning can easily accomplish this task.

Source: http://www.dreambox.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Adaptive learning technology: công nghệ học tích cực.
- Streamline: theo dõi trực tuyến.
- Lowest common denominator: học sinh cá biệt.
- Digital fluency: thành thạo kỹ thuật số.

Grammatical features

- Structures showing possibility
- Allow sb to V

- Can + V. infinitive
- Help + V. infinitive
- Be able to + V. infinitive
- Enable sb to V.

E.g.:

✓ Blended learning allows teachers to use a combination of digital instruction and one-on-one face time to improve efficiency in the classroom.

✓ Blended learning can help school districts save money

✓ Blended learning is able to personalize education in a way that a more traditional classroom setup simply cannot.

- Add suffix "-ize" to form verb

-ize is used to form verbs with the meaning "to make; cause to become":

E.g.:

✓ fossil + -ize → fossilize (= to make something into a fossil).

Fossilized bone is usually found in the North of Africa.

✓ sterile + -ize → sterilize (= to make something sterile).

Surgical instruments must be sterilized carefully before the surgery.

-ize is also used to form verbs with the meaning "to convert into, give a specified character or form to; change to a state of":

E.g.:

✓ computer + -ize → computerize (= make an office use computers).

The company has been fully computerized.

✓ dramat- + -ize → dramatize (= give the form of a drama to some other piece of work).

Jane Austen's "Emma" was dramatized on television recently.

✓ American + -ize → Americanize (= convert to an American character).

He lived in America too long to be Americanized.

-ize is also used to form verbs with the meaning "to subject to; cause to undergo or suffer from (an emotion or a process, sometimes named after its originator)".

✓ hospital + -ize → hospitalize (= cause to undergo treatment in a hospital).

Eight people were hospitalized after receiving bullet wounds.

✓ terror + -ize → terrorize (= cause to suffer terror).

People are terrorized into leaving their homes.

Practice:

Adjectives/Nouns	Verb	Meaning
Individual	.....	.....
Priority	.....	.....
Personal	.....	.....
.....	.....	Công nghiệp hóa
.....	.....	Hiện đại hóa
.....	.....	.....

E.g.:

✓ Teachers can use the additional class time to give struggling students the individualized attention that they need.

✓ Blended learning is able to personalize education in a way that a more traditional classroom setup simply cannot.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on "*Quy chế thi THPT năm 2016*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Kỳ thi THPT Quốc gia: National High School Examination.
- Tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương: Municipalities.

Task 2: Listen, take note the short information on "*Oxford University*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ What are the advantages and disadvantages of studying abroad?

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the video *"Tâm sự của du học sinh Việt tại Hungary"*.

Năm nay thì mình sẽ đón một cái Tết xa nhà với các bạn Việt Nam ở đây và với khoảng cách xa như vậy thì bọn mình chỉ có thể hướng về đất nước quê hương với tâm trạng của một du học sinh xa quê.

→.....

.....

→.....

.....

Và trong cái không khí như vậy thì mình và một số bạn du học sinh Việt Nam ở đây sẽ dự định tạo một cái không khí Tết đầm ấm với mọi người, để mọi người có thể quên đi nỗi nhớ nhà cũng như góp phần tạo nên cái không khí Tết trên đất Trung Âu.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Khoảng mười năm trở lại đây, trào lưu du học ngày càng phát triển mạnh mẽ. Theo thống kê của trang www.globalvisas.com, Việt Nam xếp thứ 8

trong top 10 nước có học sinh, sinh viên du học nhiều nhất thế giới, với con số 18.044, chỉ sau một số nước như: Trung Quốc (196.857), du học Hàn Quốc (104.908), Ấn Độ (99.316),... Điều này chứng tỏ người Việt đang đầu tư mạnh vào việc cho con du học.

(2) Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là một trong những trường trọng điểm quốc gia trong hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề.

(3) Sex and relationships education is to be made compulsory in all schools in England, the government has announced. All children from the age of four will be taught about safe and healthy relationships, Education Secretary Justine Greening said. Children will also be taught, at an appropriate age, about sex. But parents will still have the right to withdraw their children from these classes.

(4) Illiteracy in India is a problem which has complex dimensions attached to it. Illiteracy in India is more or less concerned with different forms of disparities that exist in the country. There are gender imbalances, income imbalances, state imbalances, caste imbalances, technological barriers which shape the literacy rates that exist in the country. India possesses the largest illiterate population. Literacy rates stood at 82.14 % for men and 65.46 % for women.

Words and expressions:

- Education Secretary: Bộ trưởng Bộ Giáo dục.
- Disparity: sự bất bình đẳng.
- Trường công lập: public school.
- Dạy nghề: vocational training.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Mô hình học tập hỗn hợp Blended Learning*" into English.

3.2.2. English - Vietnamese interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Quality Education for the World We Want*" into Vietnamese.

Words and expressions:

- Infant mortality: tỷ lệ trẻ tử vong ở trẻ sơ sinh.
- Pupils-to-teachers ratio: tỷ lệ giáo viên/học sinh.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp giáo viên nâng cao tính sáng tạo và trở nên linh hoạt hơn trong quá trình giảng dạy của mình. Cụ thể, các thầy cô không chỉ bó buộc trong khối lượng kiến thức hiện có mà còn được tìm hiểu thêm về những chuyên ngành khác như tin học và học hỏi các kỹ năng sử dụng hình ảnh, âm thanh trong việc thiết kế bài giảng.

(2) Đầu năm học mới, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông dân lập chuyên Anh Quốc tế Việt Anh, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vào sử dụng trên phạm vi toàn trường sách giáo khoa điện tử Classbook nhằm thay thế cho sách giáo khoa giấy trong hoạt động dạy và học. Đồng thời, Trường cũng biến các lớp học truyền thống thành mô hình phòng học tương tác, giúp giờ học trở nên sinh động và thú vị hơn.

(3) Trong xu hướng hội nhập, nhiều trường tiểu học trong nước, đặc biệt là ở hai thành phố lớn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đang thí điểm chương trình dạy song ngữ. Tuy nhiên, chọn chương trình, tài liệu phục vụ hiệu quả cho việc học song ngữ; việc bồi dưỡng giáo viên, thuê giáo viên nước ngoài để đảm bảo chương trình dạy học,... vẫn là vấn đề khiến cấp quản lý, các trường học lẫn phụ huynh băn khoăn.

(4) Thousands of students found buying pre-written essays online - a form of plagiarism that could be punished with expulsion. University students who pay for pre-written online face fines and a criminal record under new Government plans to punish plagiarism. For the first time, students caught cheating could be criminalized amid fears tens of thousands are buying dissertations from websites - a trend ministers say threatens the quality of British university degrees.

(5) Eleven years old will be checked on their times tables knowledge along with mandatory Sats tests from the next academic year. Children in England will be made to sit in a test to check they can pass their times tables before leaving primary school, the Government has announced. Schools Minister Nick Gibb said multiplication was a very important part of a child's mathematical knowledge, and confirmed the move would take place from 2019.

(6) From the age of seven onwards, children attend a primary school, consisting of a four-year foundation course and a two-year orientation stage. The goal of this stage of the education system in Singapore is to teach children basic math skills, give them a good grasp of the English language, and to improve their knowledge of their mother tongue. It is important to take a second look at your kid's interests and see if the school of your choice matches these interests.

Chapter 6
HEALTH

Unit 1. Human Habits and Health Problems

Aims:

- Language related to human habits and health problems.
- The use of "ing-form".
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

The social effects of obesity in children

According to the Centers for Disease Control and Prevention, 19.8 % of adolescents younger than 19 were considered obese. Many theories exist about why rates of obesity have increased so dramatically in the last 20 years, but regardless of whatever combination of factors contribute to the problem, the resulting effects wreck havoc on these children's lives. In addition to the well-documented physical side effects, a study published in the "Journal of the American Medical Association" found that obese children face emotional and social side effects similar to those of children facing cancer treatment.

Targets of bullying

In a study published in the June 2010 issue of the journal "Pediatrics", researchers at the University of Michigan found the results staggering. Even though the prevalence of obesity has grown significantly, making overweight and obesity in youth seem more normal, the rate of bullying has not decreased. Kids can be cruel. This cruelty can have significant effects on the psyche of

children struggling with obesity. Obese children miss more school than children at a normal weight. They might exhibit reduced performance in the classroom, withdraw socially or act out.

Poor social skills

According to the Cornell University Department of Policy Analysis and Management, obese children often display poorer social skills than their normal weight peers. The social stigmatization of obese children leads to self-esteem problems, which often leads to more social stigmatization. When a child constantly feels isolated, denigrated and helpless, her resulting actions in a social context might be hindered. The cycle then continues as poor social skills often lead to more bullying.

Depression

Continual low self-esteem and hopelessness, often supplemented by poor functioning at school and in social contexts, often leads to depression in obese children. Even though depression is a psychological issue that many children deal with, the condition often has social ramifications. Children might withdraw from activities they once enjoyed, experience additional weight gain, stop wanting to spend time with family or friends and act out in social contexts.

Source: http://www.livestrong.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Centers for Disease Control and Prevention: Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ.
- Wreck havoc: làm tổn hại/ảnh hưởng xấu.

Grammatical features

Use the ***-ing*** form of the verb:

- as a **noun**:

✓ I love swimming.

✓ Swimming is very good for your health.

- as an **adjective**:

✓ The main problem today is rising prices.

✓ That programme was really boring.

Because the *-ing* noun or adjective is formed from a verb it can have any of the patterns which follow a verb, for example:

- an **object**:

✓ I like playing tennis.

✓ Can you imagine living on the moon?

- Or an **adverbial**:

✓ You can earn a lot of money by working hard.

✓ There were several people waiting for the bus.

- ... or a **clause**:

✓ I heard someone saying that.

The ***-ing*** noun can be used:

- as the subject of a verb:

✓ Learning English is not easy.

- as the object of a verb:

✓ We enjoy learning English.

Common verbs followed by an ***-ing*** object are:

admit	like	hate	start	avoid
suggest	enjoy	dislike	begin	finish

- as the object of a preposition

✓ Some people are not interested **in learning** English.

The ***-ing*** adjective can come:

- in front of a noun:

✓ I read an interesting article in the newspaper today.

✓ We saw a really exciting match on Sunday.

- after a noun:

✓ Who is that man standing over there?

✓ The boy talking to Angela is her younger brother.

- after verbs like ***see***, ***watch***, ***hear***, ***smell***, etc.

✓ I heard someone playing the piano.

✓ I can smell something burning.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on "*Mỳ ăn liền*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Hội chứng chuyển hóa: metabolic syndrome.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on "*Reasons for getting cancers*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- Prostate cancer: ung thư tuyến tiền liệt.
- Throat cancer: ung thư vòm họng.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: Take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Khi bị sốt, nếu uống quá nhiều nước lạnh nhiệt độ của cơ thể sẽ không giảm mà còn sốt cao hơn. Đặc biệt trong trường hợp bị sốt do bệnh truyền nhiễm, chức năng của đường tiêu hóa bị giảm sút nên uống nước quá lạnh sẽ rất nguy hiểm với sức khỏe. Khi sốt, bạn nên uống nhiều nước lọc hơn bình thường để bổ sung lượng nước đã mất đi.

(2) Chuyên gia khuyến cáo các phụ huynh nên bổ sung các vi chất dinh dưỡng thiết yếu và năng lượng thiếu hụt để giúp trẻ bắt kịp đà tăng trưởng. Phương pháp này tác dụng chậm hơn nhưng có hiệu quả bền vững, an toàn. Trẻ

không chỉ ăn ngon hơn và hấp thu tốt hơn mà còn phát triển cân đối chiều cao - thể chất - trí tuệ.

(3) A new medical report has found out that the number of obese people around the world has increased by 600 % over the past 40 years. The report is based on the body mass index (BMI) the relationship between height and weight. A normal, healthy person has a BMI of between 20 and 25. People with a BMI of over 30 are considered to be obese.

(4) Malaria parasites now infect an estimated 270 million people every year. Health officials fear the situation could soon take a major turn for the worse. At the same time, the disease is growing ever more resistant to once curative drugs. The WHO estimates that in heavily infected arease up to 80 % of first - time mothers are anemic and 40 % of their babies are born dangerously underweight.

Words and expressions:

- Bệnh truyền nhiễm: infectious disease.
- Vi chất dinh dưỡng: micronutrients.
- BMI: chỉ số khối cơ thể.
- Malaria parasite: ký sinh trùng sốt rét.
- Anemic: thiếu máu.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Đổi rác lấy dịch vụ y tế*" into English.

Words and expressions:

- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe: healthcare service
- Trung tâm y tế: clinical centre
- Rác hữu cơ: organic waste

3.2.2. English -Vietnamese interpreting

Task 1: Read the following text on "*The health benefits of water*".

The health benefits of water

Your body uses water in all its cells, organs, and tissues to help regulate its temperature and maintain other bodily functions. Because your body loses water through breathing, sweating, and digestion, it is important to rehydrate by drinking fluids and eating foods that contain water. The amount of water you need depends on a variety of factors, including the climate you live in, how physically active you are, and whether you are experiencing an illness or have any other health problems.

Water protects your tissues, spinal cord, and joints

Water keeps the tissues in your body moist. Keeping your body hydrated helps it retain optimum levels of moisture in the sensitive areas such as eyes, nose, or mouth, as well as in the blood, bones, and the brain. In addition, water protects the spinal cord, and it acts as a lubricant and cushion for your joints.

Water helps your body remove waste

Adequate water intake enables your body to excrete waste through perspiration, urination, and defecation. The kidneys and liver use it to help flush out waste, as do your intestines. Water can also keep you from getting constipated by softening your stools and helping move the food you have eaten through your intestinal tract.

Water aids in digestion

Digestion starts with saliva, the basis of which is water. Digestion relies on enzymes that are found in saliva to help break down food and liquid and to dissolve minerals and other nutrients. Proper digestion makes minerals and nutrients more accessible to the body. Water is also necessary to help you digest soluble fiber. With the help of water, this fiber dissolves easily and benefits your bowel health by making well-formed, soft stools that are easy to pass.

Water prevents you from becoming dehydrated

Your body loses fluids when you engage in vigorous exercise, sweat in high heat, or come down with a fever or contract an illness that causes vomiting or diarrhea. If you are losing fluids for any of these reasons, it is important to increase your fluid intake so that you can restore your body is natural hydration levels. Your doctor may also recommend that you drink more fluids to help treat other health conditions, like bladder infections and urinary tract stones. If you are pregnant or nursing, you may want to consult with your physician about your fluid intake because your body will be using more fluids than usual, especially if you are breastfeeding.

Source: https://www.everydayhealth.com/.

Follow - up questions:

✓ How important is water to the body?

✓ What make your body lose water?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Water and Health*" into Vietnamese.

Words and expressions:

- Lubricate joints: giúp làm trơn các khớp.
- Regulate temperature: điều hòa nhiệt độ.
- Spinal cord: tủy sống.
- Dehydration: (tình trạng) mất nước.
- Overhydration: (tình trạng) dư thừa nước/giữ nước trong cơ thể.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Các loại trái như cam, chanh, dâu tây, xoài, chuối,... là lựa chọn ưu tiên trong thời gian bạn bị sốt. Vitamin có trong trái cây giúp người bệnh tăng thêm sức đề kháng cho cơ thể. Nếu không muốn ăn, bạn có thể xay sinh tố hoặc ép thành nước hoa quả để dễ uống hơn.

(2) Trên thế giới, ứng dụng robot hỗ trợ phẫu thuật đã được triển khai trong những năm gần đây và ngày càng hoàn thiện hơn. Robot nâng cao độ chính xác của phẫu thuật, giảm tối đa nguy cơ phơi nhiễm tia X của phẫu thuật

viên và người bệnh. Ở Việt Nam, Việt Đức là bệnh viện đầu tiên ứng dụng robot trong mổ cột sống.

(3) Ước tính tại Việt Nam, khoảng 5 % dân số nhiễm viêm gan C, 30 % người viêm gan C mãn tính có nguy cơ tiến triển thành xơ gan hoặc ung thư gan. Đây là loại virus được giới chuyên môn xem là "sát thủ thầm lặng". Hiện vẫn chưa có vắc-xin phòng bệnh viêm gan C.

(4) Sunscreens are important for protecting your skin from the sun's radiation. Without such protection, you can get sunburns and risk developing melanoma, a dangerous form of skin cancer. A sunscreen with a higher SPF can keep out more damaging rays than lower SPFs can. An SPF of 15 blocks out about 93 % of all UVB rays while an SPF of 30 protects you from 97 % of damaging radiation.

(5) There is good news for lovers of hot and spicy food - the chili inside it can help you live longer. Researchers from the University of Vermont College of Medicine in the US have discovered that capsaicin, the active ingredient in hot red chili peppers, may boost the metabolism, strengthen the cardiovascular system and help reduce high blood pressure and obesity.

(6) Millions of people around the world take dietary supplements in the belief that they will boost their health. New research casts doubt on the benefits of these pills and tablets. A new report from the American organisation Consumer Reports found serious health risks from supplements that included vitamins, probiotics, and weight loss pills.

Unit 2. Keeping Healthy - Dos and Don'ts

Aims:

- Language related to ways to keep healthy.
- Interpreting structures showing tendency and comparative adjectives.
- Interpreting noun phrases.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Cigarettes smoking facts

(1) According to British Researchers, every cigarette you smoke shortens your lifespan by about 11 minutes.

(2) According to a research, a single cigarette can reduce the blood supply to your skin for over an hour.

(3) Smoking also affects your looks: smokers have paler skin and more wrinkles. This is because smoking reduces the blood supply to the skin and lowers levels of vitamin A.

(4) Over 80 cancer giving ingredients are present in a single cigarette.

(5) Smoking raises blood pressure, one of the major causes for heart attacks and stroke.

(6) Couples who smoke are more likely to have fertility problems than couples who are non-smokers.

(7) Smoking during pregnancy can increase the risk of miscarriage and fetal growth retardation. It also causes about 5-6 % of prenatal deaths, 17-26 % of low-birth-weight births, and 7-10 % of pre-term deliveries.

(8) A typical manufactured cigarette contains approximately 8 or 9 milligrams of nicotine, while the nicotine content of a cigar is 100 to 200 milligrams, with some as high as 400 milligrams.

(9) Every eight seconds, a human life is lost due to tobacco use somewhere in the world. That translates to approximately 5 million deaths annually.

(10) Heavy smokers are twice as likely to get macular degeneration, resulting in the gradual loss of eyesight.

(11) Smokers run an increased risk of cataracts.

(12) Smoking stains your teeth and gums. People who smoke a lot will even lose their teeth. Moreover, smoking initiates gums diseases.

(13) There are over 4,000 chemical compounds in secondhand smoke; 200 of which are known to be poisonous, and upwards of 60 have been identified as carcinogens.

(14) 90 % of lung cancer cases in the world are due to smoking.

Source: http://theawesomefacts.blogspot.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Blood pressure: huyết áp cao.
- Fertility: khả năng sinh sản.
- Paler skin: làn da nhợt nhạt.
- Heart attacks and stroke: đau tim và đột quỵ.
- Miscarriage and fetal growth retardation: sảy thai và chậm phát triển bào thai.
- Prenatal death: tử vong trước khi sinh.
- Low-birth-weight births: trẻ sinh ra nhẹ cân.
- Pre-term delivery: sinh non.
- Macular degeneration: thoái hóa điểm vàng.
- Cataract: bệnh đục thủy tinh thể.

- To stain our teeth and gums: làm ố răng và lợi.
- Gums diseases: các bệnh về nướu.
- Carcinogen: chất gây ung thư.

Grammatical features

- **Structures showing tendency**

The phrase "to be more likely to" in the sentence "Couples who smoke are more likely to have fertility problems than couples who are non-smokers" can be interpreted as "có nhiều khả năng".

✓ "Fat people are more likely to have heart disease, diabetes, bone disorders and cancer".

✓ "Females were more likely to be obese than males".

There are some other choices for interpretations:
- To be prone to.
- To tend to.
- To have the possibility of.
- To be possible.
- To be subject to.
- ...

The phrase "result in" in the sentence "Heavy smokers are twice as likely to get macular degeneration, resulting in the gradual loss of eyesight". Can be interpreted as "gây nên/dẫn đến".

✓ 90 % of parents were aware that obesity is a disease, and 92 % knew that eating too much fast food would result in obesity in children.

✓ Drinking alcohol on an empty stomach can result in liver cancer.

✓ The World Health Organization estimates that outdoor urban air pollution results in around 800,000 deaths worldwide each year.

There are some other choices for interpretations:

- To lead to.
- To contribute to.
- To cause.
- To be responsible for.

- To be the reason for.
- ...

- **Comparative adjectives**

We use **comparative adjectives** to describe people and things:

Subject + BE + Adjective + ER + Than Subject + BE + More + Adjective + Than

✓ "Smoking also affects your looks: smokers have **paler** skin and **more** wrinkles."

✓ "Couples who smoke are **more** likely to have fertility problems **than** couples who are non-smokers."

✓ Deaths resulting from polluted air are **higher than** from malnutrition or obesity.

- **Equal comparisions**

To compare two things that are equal, we use the pattern:

as + adjective/ adverb + ***as*** ***as*** + adjective indicating quantity + (noun) Use *as many* and *as few* with countable nouns. Use *as much* or *as little* with uncountable nouns.

✓ Mental health is **as important as** physical health.

✓ I have visited the States **as many times as** he has.

✓ There are **as few houses in his village as** in mine.

✓ John eats **as much food as** Peter.

✓ Jim has **as little patience as** Sam.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on "*Hai ca nhiễm virus Zika đầu tiên tại Việt Nam*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Nhiễm bệnh/virus: to be infected with sth (e.g.: people infected with HIV).

- Tật đầu nhỏ/teo não: Microcephaly.
- Xét nghiệm dương tính/âm tính với bệnh gì: to test positive/negative for sth.

Task 2: Listen, take note the short information on "*Zika virus*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

Words and expressions:

- rash: mẩn đỏ.
- mild illness: ốm nhẹ.
- joint pain: đau khớp.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ Are you satisfied with medical services in Vietnam? If no, name some reasons.

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the video on *"Ngành y tế Đồng Nai"*.

Thực hiện chủ trương của Bộ Y tế, ngành y tế Đồng Nai vừa ký cam kết thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

→.....

.....

→.....

.....

Thực hiện đổi mới lần này nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao tinh thần, thái độ, phong cách phục vụ người bệnh của cán bộ y tế, rèn luyện kỹ năng giao tiếp,

ứng xử, xây dựng hình ảnh người cán bộ y tế, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ tế thuận lợi, nhanh chóng.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting Practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Bệnh tim mạch là một trong những nguyên nhân gây tử vong hàng đầu trên thế giới. Hội Tim mạch thế giới dự đoán tương lai Việt Nam sẽ có khoảng 20 % dân số mắc bệnh về tim mạch và tăng huyết áp. Đáng lưu ý là trong những năm gần đây, tỷ lệ người trẻ mắc bệnh ngày càng cao, nhiều trường hợp đang trong độ tuổi lao động.

(2) Chuyên gia y tế cho biết các bệnh mạn tính đang và sẽ tiếp tục là một nguyên nhân gây tử vong phổ biến ở Việt Nam. Theo thống kê, các bệnh mạn tính này đã cướp đi sinh mạng của 375,000 người Việt mỗi năm, trong đó, ung thư, bệnh tim, huyết áp cao và bệnh tiểu đường là các nguyên nhân hàng đầu.

(3) Gum disease is caused by plaque bacteria, originating in hard-to-reach areas between teeth and below the gumline places toothbrushes cannot reach, no matter how well you brush. Plaque bacteria forms in colonies, releasing toxins that makes gums red, swollen, tender and prone to bleeding. If not treated, gingivitis can lead to periodontitis, a more advanced stage of gum disease that can lead to tooth loss.

(4) According to the ACAAI (American College of Allergy, Asthma and Immunology), asthma and allergy can be hereditary. If both of a child's parents have allergies, the child has a 75 % chance of being allergic. If one of the parents is allergic, or if a close relative has allergies, the child has a 30 to 40 % chance of having some form of allergy.

Words and expressions:

- Bệnh tim mạch: cardiovascular disease.

- Bệnh tiểu đường: diabetes.
- Hội Tim mạch Thế giới: The World Heart Association.
- The ACAAI (American College of Allergy, Asthma and Immunology: Viện Hàn lâm về dị ứng, hen suyễn và miễn dịch học Hoa Kỳ (ACAAI).
- Gum disease: bệnh nướu (răng).
- plaque bacteria: vi khuẩn mảng bám.
- gingivitis: viêm nướu.
- periodontitis: viêm nha chu.
- Hereditary: di truyền.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage on "*Why is sleep important?*"

Why is sleep important?

Sleep plays a vital role in good health and well-being throughout your life. Getting enough quality sleep at the right times can help protect your mental health, physical health, quality of life, and safety.

During sleep, your body is working to support healthy brain function and maintain your physical health. In children and teens, sleep also helps support growth and development.

Sleep helps your brain work properly. While you are sleeping, your brain is preparing for the next day. It forms new pathways to help you learn, pay attention, make decisions, and be creative.

Sleep plays an important role in your physical health. For example, sleep is involved in healing and repair of your heart and blood vessels. Ongoing sleep deficiency is linked to an increased risk of heart disease, kidney disease, high blood pressure, diabetes, and stroke.

Sleep also supports healthy growth and development. Deep sleep triggers the body to release the hormone that promotes normal growth in children and

teens. This hormone also boosts muscle mass and helps repair cells and tissues in children, teens, and adults. Sleep also plays a role in puberty and fertility.

Your immune system relies on sleep to stay healthy. This system defends your body against foreign or harmful substances. Ongoing sleep deficiency can change the way in which your immune system responds. For example, if you are sleep deficient, you may have trouble fighting common infections.

Sleep deficiency also increases the risk of obesity. For example, one study of teenagers showed that with each hour of sleep lost, the odds of becoming obese went up. Sleep deficiency increases the risk of obesity in other age groups as well.

Sleep also affects how your body reacts to insulin, the hormone that controls your blood glucose (sugar) level. Sleep deficiency results in a higher than normal blood sugar level, which may increase your risk for diabetes.

Studies also show that sleep deficiency may make you have trouble making decisions, solving problems, controlling your emotions and behavior, and coping with change. Sleep deficiency also has been linked to depression, suicide, and risk-taking behavior.

Children and teens who are sleep deficient may have problems getting along with others. They may feel angry and impulsive, have mood swings, feel sad or depressed, or lack motivation. They also may have problems paying attention, and they may get lower grades and feel stressed.

Source: https://www.nhlbi.nih.gov/.

Follow-up questions:

✓ How important is sleep for brain?

✓ What is the role of sleep for physical health?

✓ What are the consequences of sleep deficiency?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Tầm quan trọng của giấc ngủ"* into English.

Words and expressions:

- Tiết ra hoóc môn tăng trưởng: produce/release growth hormone.
- Tái tạo: regenerate/revitalize.
- Biếng ăn: anorexia/poor appetite.

- Năng suất lao động: productivity.
- Nồng độ melatonin: levels/concentration of melatonin.
- Tác dụng an thần: tranquillizing effect.

3.2.2. English -Vietnamese Interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Smoking and its effects on health*" into Vietnamese.

Words and expressions:

- Breathing problems: bệnh về đường hô hấp.
- The risk of dangerous infections: nguy cơ mắc bệnh nguy hiểm/hiểm nghèo.
- Pneumonia: bệnh viêm phổi.
- Accelerate hair loss: làm tăng nhanh quá trình rụng tóc/làm quá trình rụng tóc trở nên trầm trọng.
- Osteoporosis: bệnh loãng xương.
- Persistent bad health: hơi thở không thơm tho kéo dài/(bị) hôi miệng.
- Oral hygiene problem: vấn đề vệ sinh răng miệng.
- Passive exposure to cigarette smoke: hút thuốc lá thụ động.
- Expose to tobacco smoke: thụ động với khói thuốc lá.
- Be susceptible to: dễ mắc bệnh.
- Serious lung infection: nhiễm trùng phổi nặng.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Phụ nữ sau sinh cần ăn uống đầy đủ và đa dạng các loại thực phẩm chứa dưỡng chất cần thiết cho tóc như đạm, các vitamin A, B, C, D,... và uống nhiều nước. Bên cạnh đó, cần giữ tinh thần thoải mái, tránh lo âu, căng thẳng. Duy trì sự cân bằng về thể chất và tinh thần góp phần giúp tóc khỏe đẹp hơn.

(2) Tính đến ngày 18/10, toàn thành phố có 488 ca sốt xuất huyết, tăng 2 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Bệnh tay chân miệng cũng ghi nhận hơn 1.600 ca, tăng 43 % so với cùng kỳ năm ngoái. Dự báo tình hình dịch sẽ diễn biến

phức tạp trong thời gian tới nếu không có các biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả và kịp thời.

3) GS.TS. Nguyễn Bá Đức, Nguyên Giám đốc Bệnh viện K Trung ương, Phó Chủ tịch Hội Ung thư Việt Nam khẳng định, 80 % nguyên nhân gây ung thư là do môi trường bên ngoài. Trong đó, thức ăn, ô nhiễm thực phẩm là tác nhân gây nên 40 % ca ung thư, thuốc lá gây nên 30 % ca bệnh.

4) People's energy needs depend on Task levels and life stage but typically men require more energy than women. Growing children require a lot of energy, as an example boys aged 7-10 years old should consume approx. 1,970 kcals per day, and girls aged 7-10 years old should consume approx. 1,740 kcals. For adults, men require approx. 2,500 kcals and women approx. 2,000 kclas per day.

5) Polio is a highly infectious disease caused by a virus and mainly affects children under five years old. The virus is transmitted through contaminated food and water, and multiplies in the intestine. It can then invade the nervous system, causing paralysis in one in every 200 infections. There is no cure for polio, it can only be prevented. Polio vaccine, given multiple times, can protect a child for life.

6) The tobacco epidemic is one of the biggest public health threats the world has ever faced, killing more than 7 million people a year. More than 6 million of those deaths are the result of direct tobacco use while around 890,000 are the result of non-smokers being exposed to second-hand smoke. Nearly 80 % of the more than 1 billion smokers worldwide live in low- and middle-income countries.

Chapter 7
TECHNOLOGY

Unit 1. Artificial Intelligence

Aims:

- Language related to technology and artificial intelligence.
- Interpreting pronouns "whatever, whoever, whenever,..."
- Practicing memorizing skills, public speaking skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Artificial intelligence

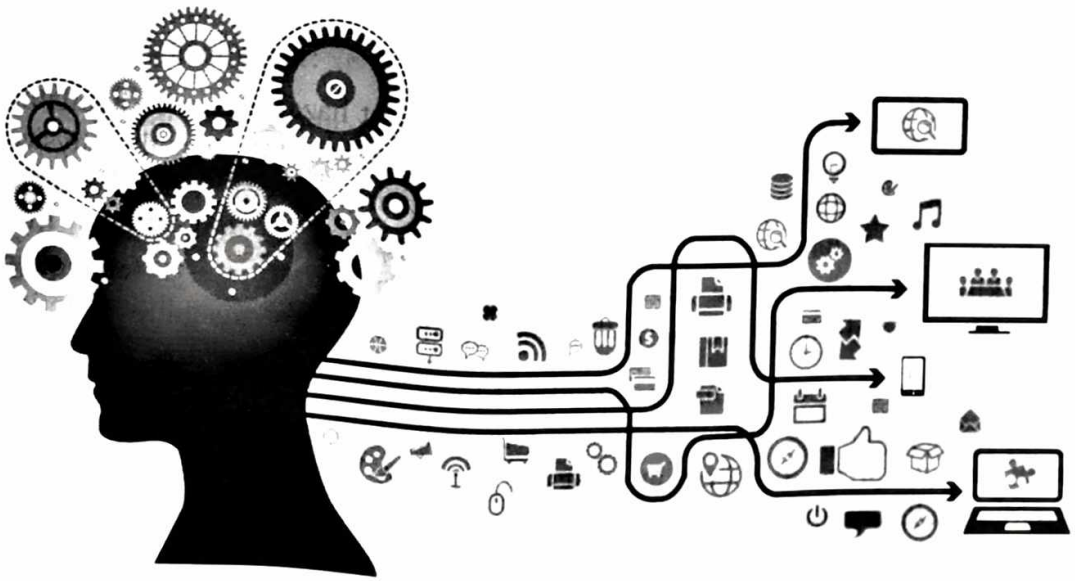

Technology moves at breakneck speed, and we now have more power in our pockets than we had in our homes in the 1990s. Artificial intelligence (AI) has been a fascinating concept of science fiction for decades, but many researchers think we're finally getting close to making AI a reality. In the last few years, scientists have made breakthroughs in "machine learning," using neural networks, which mimic the processes of real neurons.

This is a type of "deep learning" that allows machines to process information for themselves on a very sophisticated level, allowing them to perform complex functions like facial recognition. Big data is speeding up the AI development process, and we may be seeing more integration of AI technology in our everyday lives relatively soon. While much of this technology is still fairly rudimentary at the moment, we can expect sophisticated AI to one day significantly impact our everyday lives. Here are some ways AI might affect us in the future.

Automated transportation

We are already seeing the beginnings of self-driving cars, though the vehicles are currently required to have a driver present at the wheel for safety. Despite these exciting developments, the technology has not been perfect yet, and it will take a while for public acceptance to bring automated cars into widespread use. Google began testing a self-driving car in 2012, and since then, the U.S. Department of Transportation has released definitions of different levels of automation, with Google's car classified as the first level down from full automation. Other transportation methods are closer to full automation, such as buses and trains.

Taking over dangerous jobs

Robots are already taking over some of the most hazardous jobs available, including bomb defusing. They are technically drones, being used as the physical counterpart for defusing bombs, but requiring a human to control them, rather than using AI. Whatever their classification, they have saved thousands of lives by taking over one of the most dangerous jobs in the world. As technology improves, we will likely see more AI integration to help these machines function.

Other jobs are also being reconsidered for robot integration. Welding, well known for producing toxic substances, intense heat, and earsplitting noise, can now be outsourced to robots in most cases. Robot Worx explains that robotic welding cells are already in use, and have safety features in place to help prevent human workers from fumes and other bodily harm.

Improved elder care

For many seniors, everyday life is a struggle, and many have to hire outside help to manage their care, or rely on family members. AI is at a stage where replacing this need is not too far off, says Matthew Taylor, computer scientist at Washington State University. "Home" robots could help seniors with everyday tasks and allow them to stay independent and in their homes for as long as possible, which improves their overall well-being.

Source: http://bigdata-madesimple.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Artificial Intelligence: trí tuệ nhân tạo.
- Machine learning: công nghệ Machine learning (phương pháp phân tích dữ liệu mà sẽ tự động hóa việc xây dựng mô hình phân tích).
- Deep learning: công nghệ Deep learning (là một phạm trù nhỏ của Machine learning nhằm tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến mạng nơ-ron thần kinh nhân tạo, nâng cấp các công nghệ như nhận diện giọng nói, xử lí ngôn ngữ tự nhiên).
- At breakneck speed: tốc độ chóng mặt.
- Neural networks: mạng nơron thần kinh nhân tạo.
- Self-driving car: xe tự lái.
- Facial recognition: nhận diện khuôn mặt.
- Bomb defusing: phá hủy bom.
- Earsplitting noise: tiếng ồn chói tai.
- Robotic welding cell: thiết bị robot hàn.

Grammatical features

- The word *"whatever"* in "whatever their classification" means "It does not matter their classification".
- Usage of *Whatever, whenever, wherever, whichever, whoever*:

If we add -ever to wh-words like *what*, *which*, *when*, *where* and *who*, we change their meaning to: "it doesn't matter", or "no matter" what, which, when, where and who,...

Whatever, whenever, wherever, whichever, whoever are used as follows:

- *Whatever* = anything or everything; regardless of what, no matter what.

✓ Whatever you do, don't forget your grandmother's birthday.

✓ Take whatever you want from the fridge of you're hungry.

- *Whenever* = every time; at any time; regardless of when, not matter when.

✓ You can borrow my dictionary whenever you like.

✓ Whenever we plan a picnic, it rains!

- Wherever = everywhere; regardless of where, no matter where.

✓ Wherever you go you'll always find someone who speaks English.

✓ My grandfather accompanies my grandmother wherever she goes.

- *Whichever* = the person or thing which; regardless of which, no matter which.

✓ Wear whichever shoes are the most comfortable.

✓ Take any book you like - whichever one interests you.

- *Whoever* = the person who; regardless of who, no matter who.

✓ Whoever comes with you is welcome.

✓ I'm so annoyed with whoever borrowed the dictionary and didn't put it back!

- The word "*Despite*" in the sentence "Despite these exciting developments, the technology isn't perfect yet [...]" can be translated as "Mặc dù".

- Usage of *Despite, Inspite of, Although: In spite of, despite and although* are all used to show a contrast but there are differences in the structures used with them.

- *In spite of/despite:* After *in spite of* and *despite* we use a noun or a pronoun. Remember that the gerund ("-ing" form) is the "noun" form of a verb.

✓ We enjoyed our camping holiday in spite of the rain.

✓ Despite the pain in his leg he completed the marathon.

✓ Despite having all the necessary qualifications, they didn't offer me the job.

- We can use *in spite of* and *despite* with a subject and verb if we include the expression "*the fact that*".

✓ In spite of the fact that he worked very hard, he didn't manage to pass the exam.

✓ Despite the fact that he worked very hard, he didn't manage to pass the exam.

- *Although*: After *although* we use a subject and a verb.

✓ We enjoyed our camping holiday although it rained every day.

✓ Although he worked very hard, he didn't manage to pass the exam.

- *Even though*: Even though is a slightly stronger form of *although*.

✓ We decided to buy the house even though we didn't really have enough money.

✓ You keep making that stupid noise even though I've asked you to stop three times.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and memorizing skills

Task 1: Listen, memorize the main ideas of the short information on "*Máy bay không người lái*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Words and expressions:

- Viện công nghệ không gian: Institute for Aerospace Technology.
- Máy bay không người lái: flying drone.
- An ninh, quốc phòng: national security and defense.

Task 2: Listen, memorize the main ideas of the short information on "*Facebook has dislike button*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

2.2. Public speaking skills

Work in pairs: Take turns to play the roles as speakers in a prepared oral presentation.

3. Interpreting Practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Công nghệ thực tế ảo phát triển mang lại lợi ích cho cả du khách lẫn nhà cung cấp dịch vụ. Nhờ đó, những người không có thời gian hoặc không đủ điều kiện, vẫn có thể du lịch tại gia. Trong khi đó, sự phát triển của kính thực tế ảo giúp người dùng trải nghiệm một địa điểm mới trước khi quyết định có đến đó hay không.

(2) Điện thoại thông minh đang đóng vai trò rất lớn trong xu hướng phát triển Internet tại Việt Nam. Theo thống kê hiện đã có hơn 55 % dân số Việt Nam sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet, chủ yếu để xem video, tin tức và lướt mạng xã hội. Với tỷ lệ này, Việt Nam đang đứng thứ hạng cao ở Châu Á - Thái Bình Dương và thế giới.

(3) Over 30 employees at an insurance firm in Japan are being laid off and replaced with an artificial intelligence system that can calculate payouts to policyholders. The system possesses "cognitive technology that can think like a human", enabling it to "analyse and interpret all of your data, including unstructured text, images, audio and video". It is predicted that nearly half of all jobs in Japan could be performed by robots by 2035.

(4) Two years ago, Omega launched the Omega Star mobile phone. Now, their designers have developed an even better phone called Omega Galaxy. The Omega Galaxy is powered by 1.7 GHz dual-core and 1.5 GB of RAM. The newest version of Omega Galaxy has a longer battery life and brighter display screen. It has been assembled to Omega's quality standards. Benefits of the Galaxy include a more user-friendly touch screen and higher speed Internet capabilities.

Words and expressions:

- Công nghệ thực tế ảo: virtual reality.
- Dual-core: lõi kép.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1 Vietnamese - English interpreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Trí tuệ nhân tạo*" into English.

3.2.2 English -Vietnamese Interpreting

Task 1: Read the short passage about "*ASIMO - Niềm tự hào công nghệ Nhật Bản*".

ASIMO - Niềm tự hào công nghệ Nhật Bản

ASIMO là robot đầu tiên trên thế giới có khả năng leo cầu thang và đi lại một cách độc lập. Không chỉ vậy, nó có thể nhận diện khuôn mặt, giọng nói, cử chỉ điệu bộ, và có thể được điều khiển qua giọng nói. Với đôi tay của mình, ASIMO có thể bật tắt công tắc đèn, mở cửa, mang vác, đẩy xe,... và vô vàn những công việc không tên khác.

Honda đã thiết kế ra ASIMO với mục đích tạo ra một người giúp việc đúng nghĩa cho con người, một robot có thể làm việc nhà, chăm sóc người cao tuổi, giúp đỡ những người khuyết tật trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chỉ cao khoảng 1,3 m, đúng bằng chiều cao của một người đang ngồi xe lăn, cùng với ngoại hình khá giống với một phi hành gia tý hon, điều này làm cho hình ảnh của ASIMO trở nên khá thân thiện và dễ gần.

Hệ thống "nhìn" của ASIMO bao gồm hai camera tương đương với 2 con mắt, được gắn trên đầu của nó. ASIMO sử dụng hệ thống stereoscopic vision (thị lực nổi) và vision algorithm (hệ thống thị lực lập trình) để nhìn, nhận biết và phân tích vật thể. Những chiếc camera này có khả năng nhận biết nhiều vật thể, xác định khoảng cách, nhận diện khuôn mặt, và thậm chí là cả động tác. Hãy thử

giơ ra phía trước và ra hiệu cho nó dừng lại, bạn sẽ thấy ngay kết quả. Chính khả năng nhận diện này đã làm cho ASIMO trở nên thân thiện hơn rất nhiều.

Không chỉ thị giác, ASIMO còn có nhiều giác quan giúp nó tương tác tốt với môi trường làm việc. Cảm biến bề mặt cho phép ASIMO nhận biết áp lực tương tác lên mỗi bước chân, từ đó điều chỉnh lại các bước đi cho phù hợp. Bộ phận siêu âm hoạt động tương tự như giác quan của loài dơi, giúp ASIMO nhận biết các vật thể xung quanh.

ASIMO cũng có những bộ phận nhận cảm tương đương với cơ quan tiền đình trong cơ thể người, chúng có khả năng nhận biết được vị trí, phương hướng, tốc độ di chuyển, từ đó giúp cơ quan đầu não điều chỉnh lại thăng bằng của cơ thể. Không những thế, những bộ phận nhận cảm này còn có thể thay thế vai trò của da và cơ trong cơ thể người: nhận cảm về sức căng cơ, về áp lực và tư thế khớp.

Với những bước tiến vượt bậc, ASIMO đã thực sự mở ra một kỷ nguyên mới trong nền công nghiệp chế tạo robot.

Source: http://genk.vn/kham-pha/.

Follow-up questions:

✓ What are the purposes of designing ASIMO?

✓ What can ASIMO do?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on *"Robot"* into Vietnamese.

Words and expressions:

- Honda Research and Development Subsidiary: Chi nhánh Nghiên cứu và Phát triển Honda.
- Robotic laboratory: phòng thí nghiệm robot.
- Humanoid robot: robot có thiết kế giống người.
- Sensor: cảm biến.
- Replicate: sao chép.
- Sense of touch: xúc giác.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) Khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam, là một thị trường ưu tiên cho di động. Bên cạnh tỷ lệ sử dụng di động cao, Việt Nam cũng là thị trường hấp dẫn của khu vực cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ra những ứng dụng mới, giúp thay đổi cách thức người dùng làm việc cũng như giải trí.

(2) Ủy ban truyền thông Hàn Quốc cho biết tỷ lệ thâm nhập smartphone ở trẻ em trong độ tuổi từ 6-19 ở Hàn Quốc đã tăng gấp 3 lần so với năm ngoái. Trong khi đó, tỷ lệ nghiện smartphone ở trẻ vị thành niên là 18 %, cao gấp đôi so với tỷ lệ nghiện ở người trưởng thành.

(3) Chiều 7/6 tại trung tâm hội chợ và triển lãm Sài Gòn, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo "Phát triển công nghệ thông tin Việt Nam và Cách mạng công nghiệp lần thứ 4". Hội thảo là diễn đàn để chia sẻ, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm mới nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

(4) The man who created the World Wide Web, Sir Tim Berners-Lee, has warned of the dangers of the Internet. He described some main worries about how the Internet is being misused. One of them is fake news. He said websites and companies are creating fake news just to make money, or to try and change people's political opinions.

(5) Advances in robotics technology are making human-machine collaboration a reality. Better and cheaper sensors make a robot able to understand and respond to its environment. Robot bodies are becoming more adaptive and flexible with robotic designers taking inspiration from the extraordinary flexibility and dexterity of complex biological structures, such as the human hand.

(6) Cloud Storage is a service where data is remotely maintained, managed, and backed up. The service allows the users to store files online, so that they can access them from any location via the Internet. According to a recent survey conducted with more than 800 business decision makers and users worldwide, the number of organizations gaining competitive advantage through high cloud adoption has almost doubled in the last few years.

Unit 2. Internet and Smart Devices

Aims:

- Language related to internet and smart devices.
- Interpreting compound adjectives.
- Practicing note-taking skills, deciphering and analyzing skills.
- Sight interpreting with written messages of 55-70 words in length.
- Unilateral interpreting with recorded messages of 55-70 words in length.

1. Get ready

1.1. Warm-up

Read and summarize the main ideas in the following passage.

Nanotechnology

The term nanotechnology refers to science and technology in dimensions smaller than one thousand nanometers. One nanometer is a billionth of a meter. The research in nanotechnology is going primarily in two directions, construction of objects atom by atom and production of nano-sized machines.

Imagine if we could build objects by assembling the atoms. We could build whatever we wanted, from a diamond to a flower. We would simply assemble the necessary atoms in the correct way to make anything we wanted. If you got hungry, you would not have to cook. You would just order what you wanted from a machine and it would assemble the food for you, atom by atom. If you needed new clothes, you wouldn't have to go to the store or even sew, a machine would assemble the atoms into a beautiful outfit.

Another branch of nanotechnology research involves making nano-sized machines for different purposes. These nano-sized robots could go into your body and cure diseases. If you got sick you would not need to have surgery. You would just drink a solution that contained the little nano-robots and they would repair your body from the inside, like little mechanics.

This research, like many other kinds of research, raises ethical questions. Should we build objects including life forms for our purposes? How would you

feel about having mechanical parts in your body? What would be the motivation to work if machines could produce everything.

Nanotechnology raises interesting questions, but it has a lot of potential. If we could use nanotechnology to produce food and objects, it would mean the end of hunger and poverty. Perhaps we could even travel long distances almost instantly by disassembling our atoms in one place and reassembling them in our destination. The sky is the limit to what we could do with nanotechnology.

Source: https://www.inglesmundial.com/.

1.2. Useful languages

Read, memorize and revise the following phrases and grammatical features.

Words and expressions:

- Nanotechnology: công nghệ nano.
- Nano-sized machines: máy móc kích cỡ nano.
- Atoms: nguyên tử.

Grammatical features

- **Compound adjectives**

A compound adjective is a combination of two or more words that works as an adjective. These words can be adjectives, nouns, adverbs or participles, and they can be hyphenated or not. A hyphen is a punctuation mark in the form of a short line (-) that is put between two words to join them.

These compounds can be written as one word (waterproof), two separate words (brick red) or they can be hyphenated (snow-white).

- **Noun + adjective**

✓ Trustworthy, blameworthy, seasick, watertight, waterproof, etc.

Other compounds that are equivalent to the construction "as...as...".

✓ brick red (as red as brick), stone-cold (as cold as a stone), etc.

- **Adjective+adjective**

✓ bitter-sweet, deaf-mute, dark-blue, red-hot, etc.

- **Adverb+adjective**

✓ Evergreen, oversensitive, etc.

- **Noun+present participle**

✓ Self-defeating, self-denying, heart-breaking, breath-taking, etc.

- **Noun+past participle**

✓ hand-made, thunderstruck, home-brewed, heart-felt, etc.

- **Adjective or adverb+present participle**

✓ Forthcoming, everlasting, easygoing, good-looking, etc.

- **Adjective or adverb+past participle**

✓ Far-fetched, well-meant, widespread, long-awaited, etc.

- **Number+ noun**

✓ Second-hand, first-rate, etc.

- **Adjective+ noun**

✓ last-minute, deep-sea, etc.

- **Noun+noun**

✓ Toothbrush, woman doctor, car wheels, etc.

- **Verb+adjective or adverb**

✓ Feel-good, buy-now, pay-later, etc.

2. Helpful skills for an interpreter

2.1. Listening comprehension and note taking skills

Task 1: Listen, take note the short information on "*Tốc độ tăng trưởng Internet ở Việt Nam*" in Vietnamese and reproduce it, then interpret into English.

Task 2: Listen, take note the short information on "*E-commerce*" in English and reproduce it, then interpret into Vietnamese.

2.2. Deciphering and analyzing skills

Task 1: Discuss in pairs and answer the following question.

✓ Do you know the reasons why many people cannot get access to the Internet?

Task 2: Listen and answer the following questions.

✓ What is the main idea of the message?

✓ Can you name some noun phrases in the message?

→.....

.....

→.....

.....

Task 3: Decipher and analyze the messages in the video on *"Tiếp cận Internet ở các quốc gia nghèo"*.

Uỷ ban băng thông rộng Liên Hợp Quốc vừa cho biết 57 % dân số trên toàn cầu phần lớn đang sống ở các quốc gia nghèo nhất vẫn chưa được tiếp cận Internet và không thể tận dụng được những lợi ích kinh tế và xã hội mà Internet mang lại.

→.....

.....

→.....

.....

Dù số người dân được tiếp cận Internet thường xuyên đạt 43 % dân số toàn cầu nhưng hiện có nhiều dấu hiệu cho thấy tốc độ phổ biến Internet đang chậm lại bởi việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng băng thông rộng tới các vùng hẻo lánh gặp nhiều khó khăn và không mang lại lợi nhuận.

→.....

.....

→.....

.....

3. Interpreting practices

3.1. Sight interpreting

Task 1: Look at 4 texts (2 in Vietnamese, 2 in English) with suggested words and expressions in paper, read each news in 2 minutes then interpret individually.

(1) Multimedia systems are known for their educational and entertainment value, which we call "edutainment". Multimedia combines text with sound, video, animation and graphics, which greatly enhances the interaction between user and machine and can make information more interesting and appealing to people. Experts systems software enables computers to "think"

like experts. Medical diagnosis expert systems, for example, can help doctors pinpoint a patient's illness, suggest further tests and prescribe appropriate drugs.

(2) A technology company called Dyson has made a new device to help clean the air in our home. It has just launched an air purifier called the Pure Cool Link. A spokesperson said the purifier captures up to 99.95 % of pollutants such as dust, chemicals, pollen and smoke in the air in the home. This is great for people who have allergies or for those with asthma.

(3) Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, Việt Nam được xếp trong tốp 10 nước hàng đầu tại Châu Á - Thái Bình Dương và 30 của thế giới về gia công và phát triển phần mềm. Từ năm 2012, Việt Nam đã trở thành đối tác gia công phần mềm lớn thứ 2 của Nhật Bản. Điều đó cho thấy, Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn của các hãng công nghệ lớn trên thế giới.

(4) Việt Nam hiện có gần 50 triệu người sử dụng internet, cao hơn mức trung bình thế giới là 46,64 %. Chính phủ luôn quan tâm hỗ trợ đặc biệt cho người dân ở nông thôn, vùng núi, biên giới, hải đảo được sử dụng internet, đồng thời mở cửa tạo điều kiện cho nhiều công ty công nghệ thông tin và Internet trong và ngoài nước kinh doanh và phát triển.

Words and expressions:

- Fake news: tin giả/tin lá cải.
- Air purifier: máy làm sạch không khí.
- Gia công và phát triển phần mềm: processing and software development.

Task 2: Work in groups of 3, one gives his/her own sight interpreting, the others listen, give feedback and recommendations for better interpreting version.

3.2. Unilateral interpreting

3.2.1. Vietnamese - English interpreting

Task 1: Read the short passage about "*Smartphones*".

Global smartphone user penetration forecast

According to the latest report from Wireless Smartphone Strategies (WSS) services: Global Smartphone User Penetration Forecast by 88 Countries: 2007-2022, global smartphone user base will grow 58 % from 2016 to 2022. Smartphone penetration rate of population will increase to 44 % worldwide in 2017, up from 39 % in 2016. The penetration rate will further increase to 59 % by 2022.

North America and Western Europe will continue to enjoy the leading positions regarding to smartphone penetration. In emerging markets, Central and Latin America will witness the highest smartphone penetration, followed by Asia Pacific. Africa Middle East region will post the lowest penetration rate.

This extensive report forecasts global smartphone user population penetration for 88 countries worldwide, from 2007 to 2022. Almost every major country worldwide is covered, including United States, China, India, Indonesia, Japan, South Korea, Russia, Brazil, Mexico, South Africa, Saudi Arabia, UK, Germany, France, Italy and Spain. This report can be used by operators, software developers, content developers, handset vendors, component makers, car manufacturers and other stakeholders to determine the distribution of smartphone ownership across the huge global smartphone market.

Source: https://www.strategyanalytics.com/.

Follow-up questions:

- ✓ What percentage of the smartphone penetration rate of population will be by 2022?
- ✓ Which region will have the lowest penetration rate according to this report?

Task 2: Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Sử dụng Internet ở Việt Nam*" into English.

Words and expressions:

- Lướt web: browse/surf web.
- Vượt xa: outnumber/surpass.
- Hiệp hội Marketing trên di động: Mobile Marketing Association.

3.2.2. English - Vietnamese intepreting

Listen, memorize the main ideas and interpret the short information on "*Mobile devices and health care*" into Vietnamese.

Words and expressions:

- PWC' commissioned research: nghiên cứu do Công ty PWC đặt hàng.
- Economist Intelligence Unit (EIU) là một doanh nghiệp độc lập thuộc Tập đoàn Economist cung cấp những dịch vụ dự đoán và cố vấn qua nghiên cứu và phân tích, chẳng hạn như tường trình quốc gia hàng tháng, tiên đoán kinh tế 5 năm, tường trình dịch vụ rủi ro quốc gia và tường trình kỹ nghệ.

4. Futher practices

Look at the following texts and practice sight interpreting.

(1) A team of engineers has created a super-thin material that could help keep buildings cool. The team is from the University of Colorado Boulder in the USA. Engineers from the university developed the revolutionary new material, that is very thin and can cool objects even under direct sunlight. The material does not need energy to work nor does it need water to help keep things cool.

(2) Science and technology have been an integral part of Indian civilization and culture over the past several millennia. Today, India is among the topmost countries in the world in the field of scientific research, positioned as one of the top five nations in the field of space exploration. The country has regularly undertaken space missions, including missions to the moon and the famed Polar Satellite Launch Vehicle.

(3) In an effort to prevent rail accidents, the Federal Railway Administration (FRA) has cooperated with Google to warn drivers when they are approaching a crossroads that has interrupted rail. This information will be displayed on Google Maps, and the app will harm with both audio and image, according to a report by New York Times.

(4) Viettel đã chính thức khai trương và đưa vào vận hành mạng 4G trên toàn quốc. Nhà mạng cho biết đã triển khai 36.000 trạm thu phát sóng trong 6 tháng, phủ 95 % dân số. 100 % trạm thu phát 4G của Viettel sử dụng công nghệ 4T4R, cho phép mở rộng vùng phủ sóng lên 1,4 lần và tăng tốc độ download lên gần 2 lần so với công nghệ 2T2R đang phổ biến trên thế giới.

(5) Robot cắt mỳ giá 725 USD đã làm được 400 bát mỳ trong ngày làm việc đầu tiên 25/3 ở căng tin Đại học Nông nghiệp Hoa Nam, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Ông Vương, quản lý căng tin cho biết robot này được sử dụng để khuyến khích sinh viên dùng đồ ăn trong căng tin thay vì ăn hàng.

(6) Đồng hồ thông minh mới của Xiaomi sở hữu thiết kế rất giống sản phẩm của Apple nhưng giá chỉ 78 USD, thời lượng pin lên đến một tháng. Đồng hồ Hey S3 sở hữu màn hình 1,28 inch độ phân giải 176 × 176 pixel. Màn hình này sử dụng công nghệ LCD, luôn luôn hiển thị và được bảo vệ bởi kính Gorilla Glass.

REFERENCES

[1] Stephanie Dimond-Bayir. *Unlock Level 2 Listening and Speaking Skills Student's Book*. Cambridge University Press, 2014.

[2] Dương Ngọc Dũng. *Giáo trình Biên dịch và Phiên dịch tiếng Anh*. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

[3] Nguyễn Quốc Hùng. *Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.

[4] James Nolan. *Interpretation - Techniques and Exercises*. Cromwell Press Ltd., 2005.

[5] John Taylor & Jeff Zeter. *Career Paths Business English Book 2*. Express Publishing, 2011.

[6] Eric H. Glendinning & John McEwan. *Oxford English for Information Technology*. Oxford University Press, 2006.

Websites:

Chapter 1 - Unit 1:

- http://www.learnenglish.de/culture/marriage.html.
- http://vietbao.vn/Kham-pha-Viet-Nam/Cuoi-hoi-nghi-le-giau-ban-sac-van-hoa-Viet/327247377/148/.
- https://www.youtube.com/watch?v=ypqLcNpDvDE.
- https://www.smarttravelapp.com/content/129/Tourism-in-Singapore.html.
- http://dulichdailoan.vn/index.php?mact=News,cntnt01,print,0&cntnt01articleid=178&cntnt01showtemplate=false&cntnt01returnid=291.
- http://www.baomoi.com/le-hoi-2017-nhieu-khoi-sac-nhung-khong-it-ton-tai-can-khac-phuc/c/22560418.epi.
- https://www.travelfish.org/beginners_detail/laos/12.
- http://thedaleguild.com/strange-thailands-event-of-monkey-buffet-festival/.
- http://www.daikynguyenvn.com/chua-phan-loai/kham-pha-lang-nghe-truyen-thong-lua-van-phuc.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=TRs1YtKxejA&t=683s.
- http://giaoducthoidai.vn/the-gioi/phong-tuc-don-tet-nguyen-dan-cua-nguoi-trung-quoc-the-nao-2864535-1.html.

Chapter 1 - Unit 2:

- http://www.sprachcaffe.com/english/magazine-article/amazing-cultural-facts-and-traditions-around-the-world-2015-08-05.htm.
- https://www.youtube.com/watch?v=ZH229rTqRUw&t=12s.
- https://www.youtube.com/watch?v=-pgCPJSiKoo.
- http://www.monnhatban.com/amthuc/nhung-mon-an-khac/nghe-thuat-am-thuc-kaiseki.
- http://duhocaau.vn/vn/du-hoc-cac-nuoc/59/du-hoc-anh-van-hoa-giao-tiep-ung-xu-khi-gap-nguoi-dan-anh.html.
- http://dulichthailand.com/category/tin-tuc-du-lich/tin-tuc-thai-lan/.
- http://www.baomoi.com/khong-khi-vui-nhon-tai-le-hoi-ca-chua-o-tay-ban-nha/c/20229982.epi.
- http://journeymart.com/holidays-ideas/festivals/mango-festival-delhi.aspx
- http://www.australia.com/en/events/2018/january/tunarama-festival.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=5OOAINnn8MU&t=17s.
- http://tamchau.com/vn/noi-dung-tin-tuc/tim-hieu-ve-cac-loai-tra-1.
- https://www.youtube.com/watch?v=ksrgvHruL6o.

Chapter 2 - Unit 1:

- https://www.greentourismcanada.ca/works/.
- http://timeoutvietnam.vn/loi-ich-cua-nhung-chuyen-di-xanh-11151.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=DF_ULbHNpZ0.
- https://www.youtube.com/watch?v=OvDSTtp0ij4.
- https://www.goabroad.com/articles/jobs-abroad/the-ultimate-guide-to-france.
- https://za.ambafrance.org/The-Louvre-the-most-visited-museum.
- http://www.japantimes.co.jp/news/2016/10/31/national/foreign-visitors-japan-already-top-last-years-record-break-20-million-mark/.
- http://www.dulichdaiviet.com/chi-tiet/nen-di-du-lich-phu-quoc-vao-thoi-gian-nao.aspx.
- http://phunuonline.com.vn/gia-dinh/algarve-tuoi-dep-31697/.
- https://www.everfest.com/e/boryeong-mud-festival-boryeong-south-korea.
- https://www.youtube.com/watch?v=zSR9MJlrY7o.
- https://www.youtube.com/watch?v=Wg8WqVhaHuc.

Chapter 2 - Unit 1:

- http://www.edb.gov.hk/attachment/en/curriculum-development/kla/pshe/nss-curriculum/tourism-and-hospitality-studies/Tourism_English_19_June.pdf.
- https://www.youtube.com/watch?v=thCxDUwiHIw&t=65s.
- https://www.youtube.com/watch?v=rti8NlhcKSY.
- https://www.youtube.com/watch?v=iu1BT__vmc8.
- https://www.ohay.tv/view/top-10-dia-diem-du-lich-noi-tieng-the-gioi/56db2c4776.
- http://www.touropia.com/beautiful-bays-in-the-world/.
- http://shakh.kz/countries/korea.html?lang=en.
- https://www.dalattrip.com/dalat-city-vietnam/.
- https://www.youtube.com/watch?v=dIoFlNoo3U8.
- https://www.youtube.com/watch?v=ey_L_VzPwEI.

Chapter 3 - Unit 1:

- https://www.theguardian.com/environment/1999/sep/16/transportintheuk.population.
- https://www.youtube.com/watch?v=-Il67zJhvek.
- http://hoctienganhvoa.blogspot.com/2015/12/who-indoor-air-pollution-major-threat.html.
- http://www.baomoi.com/viet-nam-trien-khai-nang-cap-kha-nang-do-mua-du-bao-bao-va-giong-set/c/21681413.epi.
- http://www.baomoi.com/hon-2-000-ho-dan-o-dak-lak-thieu-nuoc-sinh-hoat-tram-trong/c/18791075.epi.
- http://www.businessinsider.com/cities-that-will-be-underwater-because-of-climate-change-2015-10.
- http://www.bbc.com/news/science-environment-35084374.
- https://ec.europa.eu/clima/change/consequences_en.
- https://www.youtube.com/watch?v=Y4j6DhgIZZs.
- https://www.youtube.com/watch?v=FlQn1KwW4Es.

Chapter 3 - Unit 2:

- http://abcnews.go.com/ABC_Univision/News/surprising-facts-global warming/story?id=19873572.
- https://www.youtube.com/watch?v=NDtdIxw6Q90.

- https://www.youtube.com/watch?v=Zk1J2EW-nmQ.
- https://www.youtube.com/watch?v=MU4Y26FmhY8.
- https://learningenglish.voanews.com/a/economic-growth-in-asia-threatens-environment/2922900.html.
- http://giotraidat.vn/gioi-thieu/c15/gioi-thieu.html.
- http://kenh14.vn/kham-pha/su-that-tu-bau-khong-khi-chung-ta-van-hit-tho-hang-ngay-20160303152002 43.chn.
- http://www.bbc.com/news/science-environment-38979754.
- http://www.bbc.com/news/science-environment-39231896.
- http://www.bostonelectronicwaste.com/go-green/what-is-ewaste.
- https://www.youtube.com/watch?v=5WwAaH5bmxI.
- https://www.youtube.com/watch?v=dP-tg4atr5M.

Chapter 4 - Unit 1:

- http://uk.businessinsider.com/the-richest-countries-in-the-world-2017-3.
- http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2017-02-13/kinh-te-nhat-ban-tiep-tuc-thang-hoa-40673.aspx.
- https://www.youtube.com/watch?v=WdPFpv6l9Yw.
- https://www.theguardian.com/business/2016/jan/12/us-solar-industry-employees-grows-oil-gas.
- https://www.grab.com/ph/press/business/grabtaxi-rebrands-to-grab-to-reflect-market-dominance-in-southeast-asia/.
- http://blog.euromonitor.com/2016/01/key-trends-for-advertising-industry-in-2016-2.html.
- http://www.baomoi.com/tin-hieu-vui-tu-nganh-ca-phe-viet-nam/c/21419273.epi.
- http://agro.gov.vn/news/tID16724_Tong-hop-tin-thi-truong-Chau-Phi-thang-122009.html.
- https://www.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2014-07-08-17/14.pdf.
- https://www.youtube.com/watch?v=T03IDTIH7YY.

Chapter 4 - Unit 2:

- https://www.countries-ofthe-world.com/world-currencies.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=ZOMV-_5_4ng.
- https://www.youtube.com/watch?v=afEqMX9YGCY.

- https://www.youtube.com/watch?v=wIILXRS97_s.
- http://cafef.vn/xuat-khau-gao-sang-trung-quoc-tang-manh-20170327083522153.chn.
- http://baodatviet.vn/kinh-te/thi-truong/xe-an-do-duoi-100-trieu-lam-gi-co-xe-gia-re-3331775/.
- http://www.breakingnewsenglish.com/1609/160930-models.html.
- http://www.breakingnewsenglish.com/1610/161012-samsung-galaxy-note.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=Q0EbhbzufMY.
- http://tuoitre.vn/tin/nhip-song-tre/song-va-yeu/20070513/moi-quan-he-giua-hanh-phuc-va-tien-bac/200912.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=QeGmdG0nnf4.

Chapter 5 - Unit 1:

- https://www.linkedin.com/pulse/top-10-reasons-why-education-extremely-important-mohamed-reda.
- https://www.youtube.com/watch?v=DsTHCazUpAo.
- https://www.youtube.com/watch?v=on38BzdHvmc&t=17s.
- https://www.hotcourses.vn/study-abroad-info/latest-news/viet-nam-co-nang-luc-tieng-anh-hang-7-chau-a/.
- http://cafef.vn/vi-sao-cu-nhan-van-that-nghiep-cao-20170531111745359.chn.
- http://www.chinaeducenter.com/en/cedu.php.
- http://www.iigvietnam.com/en/news/news-event/1315-industrial-university-of-ho-chi-minh-city-to-standardize-english-language-training-quality-for-students-by-the-toeic-test.html.
- https://www.internationalstudent.com/study_usa/choosing-the-usa/.
- https://www.youtube.com/watch?v=_yKGqL9hTR8.
- https://www.youtube.com/watch?v=2b0ZSIYtX8c.

Chapter 5 - Unit 2:

- http://www.dreambox.com/blog/five-benefits-of-blended-learning.
- https://www.youtube.com/watch?v=uGCyC9jWggc.
- https://www.youtube.com/watch?v=YhAMICn7K1I.
- https://www.youtube.com/watch?v=80t64HhY008.

- http://www.bbc.co.uk/news/education-39116783.
- http://www.indiacelebrating.com/social-issues/illiteracy/.
- https://halo.edu.vn/thuc-trang-du-hoc-o-viet-nam-hien-nay.
- https://www.haui.edu.vn/vn/html/gioi-thieu.
- https://www.youtube.com/watch?v=tn82bDYEPAo&t=4s.
- https://www.youtube.com/watch?v=scMho9RAeEQ.

Chapter 6 - Unit 1:

- http://www.livestrong.com/article/174900-the-social-effects-of-obesity-in-children/.
- https://www.youtube.com/watch?v=iy92ziU7R7I.
- https://www.youtube.com/watch?v=g6GZR3blOgc.
- http://suckhoedoisong.vn/nen-va-khong-nen-an-gi-khi-bi-sot-n93179.html.
- http://suckhoedoisong.vn/non-nong-tim-giai-phap-tri-bieng-an-cho-con-va-hau-qua-n124069.html.
- http://www.english-online.at/news-articles/health-medicine/obesity-around-world-continues-to-rise.htm.
- https://www.youtube.com/watch?v=QEtSLfSoY94.
- http://www.everydayhealth.com/water-health/water-body-health.aspx.
- https://www.youtube.com/watch?v=9iMGFqMmUFs&t=107s.

Chapter 6 - Unit 2:

- http://theawesomefacts.blogspot.com/2011/04/20-shocking-smoking-cigarette-facts.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=S2bgIaN2DSI.
- https://www.youtube.com/watch?v=clXx8kRw_GU.
- https://www.youtube.com/watch?v=qif25BvZpiM.
- http://www.hochiminhcity.gov.vn/thongtinthanhpho/tintuc/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=37&ItemID=53009&PublishedDate=2015-10-12T19:05:00Z.
- http://cep.com.vn/Theo-cac-chuyen-gia-Ung-thu-benh-ve-tim-gay-tu-vong-nhieu-o-Viet-Nam-do-chan-doan-muon-va-cac-thoi-quen-xau-1362.html.
- http://acaai.org/news/common-colds-during-pregnancy-may-lead-childhood-asthma-0.
- https://www.nhlbi.nih.gov/health/health-topics/topics/sdd/why.

- https://www.youtube.com/watch?v=QDgAK-ehPCU.
- https://www.youtube.com/watch?v=lW6hwmdZbmE.

Chapter 7 - Unit 1:

- http://bigdata-madesimple.com/the-future-of-artificial-intelligence-6-ways-it-will-impact-everyday-life/.
- https://www.youtube.com/watch?v=L6z6lD18Ml8.
- https://www.youtube.com/watch?v=r6aPsDA79I0.
- http://www.samsung.com/vn/song-cung-cong-nghe/mobile/cong-nghe-thuc-te-ao-da-bien-doi-cuoc-song-ra-sao/.
- https://www.baomoi.com/55-dan-so-viet-nam-su-dung-smartphone/c/21955414.epi.
- http://www.businessinsider.com/a-japanese-company-is-already-replacing-office-workers-with-robots-2017-1.
- https://www.youtube.com/watch?v=m0DwjWHbtrw.
- http://genk.vn/kham-pha/asimo-niem-tu-hao-cong-nghe-nhat-ban-20111122104035736.chn.
- https://www.youtube.com/watch?v=JlRPICfnmhw&t=234s.

Chapter 7 - Unit 2:

- http://www.inglesmundial.com/Intermedio/Leccion16/Lectura.html.
- https://www.youtube.com/watch?v=S6MyIbOAl2E.
- https://www.youtube.com/watch?v=AKkV0pYjOiY.
- https://www.youtube.com/watch?v=FqMQ9E3pRpU.
- http://www.breakingnewsenglish.com/1604/160403-air-purifier.html.
- https://www.baomoi.com/viet-nam-co-the-tro-thanh-trung-tam-du-lieu-cua-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong/c/22004629.epi.
- https://www.baomoi.com/80-nguoi-dan-su-dung-internet-hang-ngay/c/21610993.epi.
- http://www.greenpeace.org/international/en/news/Blogs/makingwaves/smartphones-planet-toxic-waste/blog/58828/.
- https://www.youtube.com/watch?v=szUDhF0A2Ig.
- https://www.youtube.com/watch?v=5EOq80kV39k.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ
Nhà A16 - Số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: Phòng Phát hành: **024.22149040**;
Phòng Biên tập: **024.37917148**;
Phòng Quản lý Tổng hợp: **024.22149041**;
Fax: **024.37910147**; Email: **nxb@vap.ac.vn**; Website: **www.vap.ac.vn**

GIÁO TRÌNH PHIÊN DỊCH 1

Hoàng Ngọc Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Thảo
Nguyễn Thị Huyền, Tạ Ngọc Hiền Minh, Nguyễn Hà My

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
PHẠM THỊ HIẾU

Chịu trách nhiệm nội dung
Q. Tổng biên tập
ĐOÀN THỊ YẾN OANH

Biên tập:	**Nguyễn Thị Chiên**
Trình bày kỹ thuật:	**Lê Tuấn Đạt**
Trình bày bìa:	**Lê Tuấn Đạt**

Liên kết xuất bản:
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Địa chỉ: Số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội

ISBN: 978-604-9955-83-9

In 1000 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Hoàng Quốc Việt. Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3365-2020/CXBIPH/02-49/KHTNVCN
Số quyết định xuất bản: 94/QĐ-KHTNCN, cấp ngày 30 tháng 9 năm 2020.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2020.

GIÁO TRÌNH PHIÊN DỊCH 1

ISBN: 978-604-9955-83-9

Giá: 33.000 đ